

**CÁC CƯỜNG LĨNH CÁCH MẠNG  
CỦA  
ĐẢNG CỘNG SẢN  
VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

## LỜI GIỚI THIỆU

Đảng Cộng sản Việt Nam, người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Mỗi cương lĩnh của Đảng là một dấu son chói lọi phản ánh sự trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Các cương lĩnh cách mạng xác định các quan điểm, nguyên tắc và phương hướng chính trị, cùng với các chủ trương, chính sách của Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, đầu năm 1930, thông qua là những văn bản của cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh đầu tiên - tuy vắn tắt - nhưng đã xác định được nhiều vấn đề thuộc về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam - một cương lĩnh cách mạng đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và tính nhân văn. *Độc lập, tự do là tư tưởng chủ yếu là hòn ngọc quý khảm trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.* Với cương lĩnh đầu tiên của Đảng, cách mạng Việt Nam đã có một đường lối cách mạng và khoa học - đường lối: "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản" .

Chính nhờ có cương lĩnh cách mạng đúng đắn và sáng tạo đó nên vừa mới ra đời, Đảng: "liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Màu cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta

vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong".

Giữa lúc phong trào cách mạng đang diễn ra quyết liệt, tháng 10-1930, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Nghị quyết của Trung ương mới về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng, công bố bản Dự án *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* do Trần Phú khởi thảo. Dự án Luận cương đã xác định được nhiều vấn đề thuộc về chiến lược của cách mạng Việt Nam. Dự án Luận cương chỉ rõ: cách mạng Đông Dương là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và điền địa. Cách mạng tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị để tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (về sau khái niệm này được Đảng ta phát triển là "không qua chế độ tư bản chủ nghĩa").

Dưới ánh sáng đường lối cách mạng được xây dựng trên cơ sở cương lĩnh của Đảng, cả dân tộc đã liên tiếp vùng dậy đấu tranh đòi quyền sống, quyền độc lập dân tộc. Trải qua 15 năm đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ, mùa thu năm 1945, bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại nhân dân ta đã đập tan chính quyền thực dân phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Song vừa mới ra đời, nước cộng hoà non trẻ đã phải tiến hành cuộc kháng chiến chống lại cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp. Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào nội lực là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Đảng và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đã nhất tề đứng lên kháng chiến. Cuộc kháng chiến diễn ra ngày càng gay go quyết liệt, thế và lực của ta ngày càng mạnh "như suối mới chảy, như lửa mới nhóm, chỉ có tiến không có thoái". Để đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, tháng 2-1951, Đảng ta quyết định tiến hành Đại hội lần

thứ II của Đảng. Đại hội đã thông qua bản *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam*. Chính cương đã vạch ra những nhiệm vụ cơ bản trước mắt cũng như lâu dài của cách mạng Việt Nam để đưa kháng chiến đến thắng lợi, kiến quốc đến thành công. Chính cương xác định, nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là "đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội".

Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hoà bình được lập lại ở Việt Nam.

Song đất nước ta còn bị tạm chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau: miền Bắc hoàn toàn giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng miền Nam còn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Thực hiện Lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, "dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn", đồng bào và chiến sĩ cả nước đã không quản gian khổ, hy sinh kiên cường kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Sau 21 năm chiến đấu ròng rã, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, quân và dân ta đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Non sông thu về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 10 năm đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và đã giành được nhiều thành tựu quan trọng nhưng cũng vấp phải những sai lầm nghiêm trọng, đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài. Trước tình hình đó, tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã được triệu tập. Với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đã nghiêm khắc phê bình những sai lầm thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

Cùng với việc vạch ra đường lối đổi mới, Đại hội xác định *cần xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ*. Thực hiện chủ trương của Đảng, sau một thời gian soạn thảo và lấy ý kiến của toàn Đảng, toàn dân, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* đã được thông qua. Cương lĩnh đã nêu bật những thành tựu cũng như những sai lầm, hạn chế của Đảng trong suốt mấy chục năm lãnh đạo cách mạng, vạch ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong giai đoạn mới. Cương lĩnh chỉ rõ: mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là "xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. *Mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau".

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* là cơ sở chính trị, tư tưởng để củng cố và tăng cường hơn nữa khối đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu và thắng lợi của nhân dân ta tiến lên trong thời kỳ mới.

Hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, nhằm cung cấp tài liệu nghiên cứu cho bạn đọc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tái bản cuốn sách *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* do Phó Giáo sư, Nhà giáo nhân dân Lê Mậu Hãn biên soạn.

Cuốn sách gồm hai phần:

*Phần I:* Giới thiệu khái quát các cương lĩnh cách mạng của Đảng.

*Phần II: Các cương lĩnh cách mạng của Đảng từ khi thành lập đến nay.*

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc

*Tháng 12 năm 2009*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

## Phần I

### CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG, NGỌN CỜ DẪN DẮT NHÂN DÂN TA ĐI TỪ THẮNG LỢI NÀY ĐẾN THẮNG LỢI KHÁC

Việt Nam là một quốc gia dân tộc được hình thành rất sớm. Trải qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, Việt Nam đã trở thành Tổ quốc thiêng liêng của 54 dân tộc. Yêu nước, cố kết dân tộc, kiên cường bất khuất, nhân ái, thủy chung đã trở thành đạo lý sống, là nhân tố hàng đầu trong bảng giá trị tinh thần truyền thống của người Việt Nam. Hồ Chí Minh đã viết: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước .

Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v.. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng"<sup>1</sup>.

Giá trị tinh thần truyền thống đó không chỉ là một tình cảm thiêng liêng, một phẩm chất cao quý mà đã được kế thừa và phát triển thành một *chủ nghĩa dân tộc, dòng chủ lưu của tư tưởng Việt Nam*, xuyên suốt tiến trình lịch sử dân tộc. Đó là động lực tư tưởng và kim chỉ đường cho cuộc đấu tranh sinh tồn và phát triển của dân tộc ta.

Hồ Chí Minh luôn luôn nêu cao sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc. Từ năm 1924, Người đã nêu rõ cần phải bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được..., củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"<sup>2</sup>. Đối với Việt Nam, Người nói: "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước... Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh

Quốc tế Cộng sản" là "một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ"<sup>3</sup>. Trong tư tưởng của Người, chủ nghĩa dân tộc được xác định trên lập trường của giai cấp công nhân, kết hợp chủ nghĩa dân tộc truyền thống với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng.

"Đó là chủ nghĩa dân tộc hướng tới chủ nghĩa cộng sản". Đây là sự đóng góp lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với hệ tư tưởng Mác - Lênin và phong trào cách mạng thế giới"<sup>4</sup>.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là đội tiên phong có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt Nam... Đảng là người kế thừa và nâng lên tầm cao mới truyền thống của dân tộc, kết hợp giá trị tinh thần Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã trở thành người lãnh đạo duy nhất cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu cao cả và vĩ đại của dân tộc là *độc lập tự do*. Đảng là người đại biểu trung thành cho lợi ích cao nhất của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam - như Hồ Chí Minh đã nói: "Không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân và của Tổ quốc. Chúng ta có thể tự hào rằng suốt, mấy chục năm cách mạng, Đảng ta đã chấp nhận mọi hy sinh gian khổ kiên quyết và bền bỉ lãnh đạo cuộc đấu tranh của dân tộc. Vì vậy, *Đảng ta đã "trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiên thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc"*<sup>5</sup>. Đảng ta được nhân dân tin tưởng, coi là đội tiên phong giác ngộ của mình.



Đảng lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức và kiểm tra, bằng hành động tiên phong gương mẫu của đảng viên, trước hết là cương lĩnh, chiến lược cách mạng Cương lĩnh và chiến lược cách mạng của Đảng được xây dựng dưới ánh sáng của lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế qua mỗi thời kỳ cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn vận dụng lý luận vào thực tiễn, kết hợp những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với tinh hoa truyền thống văn hoá dân tộc.

Các cương lĩnh cách mạng xác định các nguyên tắc và phương hướng chính trị, cùng với các chủ trương, chính sách của Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cương lĩnh kết hợp lý luận Mác - Lênin với thực tiễn của đất nước, là sự kết hợp tư tưởng nhân văn truyền thống Việt Nam với chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã từng nói: Đảng đã truyền bá lý luận Mác - Lênin vào trong nhân dân ta, có lý luận soi đường thì quần chúng hành động mới đúng đắn, mới phát triển được tài năng và lực lượng vô cùng tận của mình; Đảng kết hợp lý luận với kinh nghiệm và thực tiễn của cách mạng Việt Nam; Đảng áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp Mác - Lênin mà giải quyết các vấn đề thực tế của cách mạng Việt Nam; Đảng phải có tinh thần khoa học và tinh thần cách mạng rất cao, phải hiểu rõ lịch sử xã hội, phải quyết tâm phấn đấu cho giai cấp và nhân dân, phải tin tưởng vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng, phải gom góp tư tưởng, kinh nghiệm, sáng kiến và ý chí của quần chúng, sắp xếp nó thành hệ thống, rồi lại áp dụng vào trong quần chúng.

Chính nhờ có chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, có cương lĩnh, đường lối và

chính sách cách mạng đúng đắn, sáng tạo nên Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành đội tiên phong có tổ chức và tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đảng thật sự là hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc. Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nhân dân tin tưởng và thừa nhận là đội tiên phong của mình. Vì vậy, Đảng đã khơi được nguồn lực lượng và sức sáng tạo của nhân dân, phát huy được nội lực của dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế, không ngừng tiến lên giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và có tính thời đại sâu sắc.

## CHÁNH CƯƠNG VĂN TẮT, SÁCH LƯỢC VĂN TẮT, CHƯƠNG TRÌNH TÓM TẮT CỦA ĐẢNG (1-1930)

Vào giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, mở đầu bằng cuộc tiến công vào Đà Nẵng. Sau khi hoàn thành việc xâm lược và bình định bằng vũ lực, thiết lập bộ máy thống trị trên toàn bộ đất nước ta, thực dân Pháp đã triển khai mạnh mẽ những cuộc khai thác nước ta với quy mô ngày càng lớn nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt, cho vay nặng lãi, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa của "chính quốc". Chính sách đối với thuộc địa của Pháp ở Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là chuyên chế về chính trị, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, bóc lột nặng nề về kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho bọn tư bản lũng đoạn Pháp chứ không đem lại cho các nước Đông Dương một sự "khai hóa văn minh" nào. Việt Nam đã thành một xã hội thuộc địa của Pháp. Các giai cấp trong xã hội Việt Nam ngày càng bị phân hóa mạnh mẽ. Giai cấp công nhân và giai cấp tư sản lần lượt ra đời. Các mâu thuẫn của xã hội Việt Nam - xã hội thuộc địa ngày càng diễn ra gay gắt trong đó nổi bật lên là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với bọn thực dân Pháp và tay sai. Sự thống trị áp bức bóc

lột, sự chà đạp quyền độc lập dân tộc càng tăng thì sự phản kháng của dân tộc và cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc càng quyết liệt. Thái độ, vị trí của các giai cấp bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và cả một bộ phận trong giai cấp địa chủ đối với bọn thực dân Pháp và tay sai đều do mâu thuẫn này chi phối.

Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX trở đi về cơ bản đều diễn ra trên cơ sở mâu thuẫn đó.

Các tổ chức, các hội, đảng chính trị đã lần lượt ra đời và vươn lên giành ngọn cờ lãnh đạo phong trào dân tộc. Song tất cả các phong trào dân tộc dưới ảnh hưởng của khuynh hướng dân chủ tư sản đã lần lượt thất bại. Đám mây đen của chủ nghĩa thực dân vẫn bao phủ bầu trời Việt Nam. Giữa bối cảnh đó, *Nguyễn Ái Quốc, người*

*thanh niên yêu nước tiên tiến của dân tộc đã ra đi tìm đường cứu nước, thực hiện lý tưởng và lòng ham muốn suốt đời, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.* Người cho rằng cần phải xem nước khác họ làm như thế nào mới có thể tìm được biện pháp thực hiện hoài bão giải phóng dân tộc. Sau một thập kỷ bôn ba, Người đã qua các lục địa Âu, Á, Phi, Mỹ. Vừa lao động kiếm sống vừa nghiên cứu và khảo sát, Nguyễn Ái Quốc đã có được một sự hiểu biết sâu sắc về tư tưởng cách mạng dân chủ tư sản, về thể chế chính trị cộng hòa, về đời sống và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị nô dịch.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào công nhân, gia nhập Đảng Xã hội Pháp, hướng về nước Nga Xôviết về chủ nghĩa Lênin. Người đã đứng hẳn về phía Quốc tế Cộng sản, và đã trở thành người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920), tiếp tục nghiên cứu, suy tìm chân lý giải phóng dân tộc. Sau này, Người đã nêu rõ: *Muốn cứu nước*

*và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản, "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"<sup>6</sup>.*

Người cho rằng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa và khẳng định chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản có thể áp dụng vào châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng. Theo Người chính sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân đã "chuẩn bị đất" cho cách mạng. "Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"<sup>7</sup>. Để thực hiện nhiệm vụ lịch sử cao cả đó, Nguyễn Ái Quốc đã dày công nghiên cứu, tiếp kiến, tổng hoà và phát triển biện chứng nguồn giá trị tư tưởng văn hoá truyền thống của tổ tiên mà cốt lõi là chủ nghĩa dân tộc, ý chí độc lập, khát vọng tự do và tinh hoa văn hoá tư tưởng phương Đông và phương Tây, đặc biệt là những giá trị phổ biến về tư tưởng cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác - Lênin đã xây dựng thành công và sáng tạo ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX một hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng thuộc địa trong thời đại mới mang tầm vóc một học thuyết cách mạng giải phóng và phát triển vì độc lập tự do. Học thuyết cách mạng của Nguyễn Ái Quốc được truyền bá vào Việt Nam đã trở thành tư tưởng cách mạng chủ yếu hướng đạo phong trào dân tộc và các tổ chức chính trị theo khuynh hướng vô sản dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở nước ta vào năm 1929.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc có đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Người đã chủ động, kịp thời triệu tập Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, đã quyết đoán, độc lập và sáng tạo nhanh chóng thống nhất các tổ chức cộng sản riêng lẻ để lập ra một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, Hội nghị họp từ ngày 6-1-1930 tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, tham gia Hội nghị có Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh - đại biểu Đông Dương Cộng sản

Đảng và Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm - đại biểu An Nam Cộng sản Đảng. Các đại biểu đã nhất trí hợp nhất các tổ chức cộng sản để lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong lịch sử Đảng ta, *Hội nghị hợp nhất mang tầm vóc lịch sử của Đại hội thành lập Đảng*, được xem như đại hội đầu tiên của Đảng. Hội nghị đã thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng... Đó là các văn kiện của *Cương lĩnh cách mạng đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Cương lĩnh đã xác định những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Phân tích tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, cương lĩnh chỉ rõ chủ nghĩa đế quốc đã nắm toàn quyền thống trị, thi hành chính sách độc quyền về kinh tế nước ta, làm cho tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp. Cương lĩnh vạch rõ: “Tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghiệp một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa”<sup>8</sup>.

Xuất phát từ tình hình đó, cương lĩnh xác định chiến lược cách mạng của Đảng là tiến hành cuộc *"tư sản dân quyền cách mạng"*<sup>9</sup> và *thổ địa cách mạng để tới xã hội cộng sản*<sup>10</sup>.

Cương lĩnh đã nêu ra những nhiệm vụ cụ thể của cách mạng về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội là:

- Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, chuẩn bị cách mạng ruộng đất để tiến lên lật đổ địa chủ phong kiến làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, thiết lập chính phủ công nông binh, tổ chức ra quân đội công nông.

- Thu tiêu các thứ quốc trái, thu hết các sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, và của tư bản đế quốc Pháp để giao lại cho chính phủ công nông binh quản lý; thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa, làm của công và chia cho dân cày nghèo, miễn thuế cho dân nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm tám giờ.

Dân chúng tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, thực hiện phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

Các nhiệm vụ cách mạng nêu ra trên đây bao hàm hai nội dung: dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và phong kiến tay sai, trong đó nổi bật lên là nhiệm vụ dân tộc, mục tiêu trước mắt là giành lấy độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc Việt Nam.

Về sách lược, Đảng chủ trương phải thu phục, tập hợp được đông đảo quần chúng công nhân và nông dân khỏi ảnh hưởng của tư sản dân tộc, hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản, tiểu và trung địa chủ, còn bộ phận nào phản cách mạng như Đảng Lập hiến thì phải đánh đổ. Trong khi liên minh với các giai cấp, phải giữ vững nguyên tắc cách mạng, không được đi vào con đường thỏa hiệp, hy sinh quyền lợi cơ bản của công nông cho một giai cấp nào khác.

Về vai trò lịch sử của Đảng, cương lĩnh khẳng định: Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân, người tổ chức và lãnh đạo cách mạng, đấu tranh để giải phóng công nhân, nông dân, toàn thể đồng bào ta khỏi bị đế quốc và phong kiến thống trị, áp bức và bóc lột, giành lại quyền độc lập tự do.

Về quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, cương lĩnh chỉ rõ: Đảng phải liên kết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng lao động trên thế giới nhất là quần chúng vô sản Pháp.

Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được Hội nghị thống nhất nhất trí thông qua. Cương lĩnh tuy vẫn tắt song đã nêu được những vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam, có nội dung cách mạng, khoa học và sáng tạo phù hợp với nhu cầu khách quan của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, thuận chiều tiến hóa của thời đại. Cương lĩnh đã thể hiện một cách nhuần nhuyễn quan điểm dân tộc với quan điểm giai cấp, quốc gia với quốc tế, trong đó thấm đậm yếu tố dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân - yếu tố quyết định tính độc đáo của cách mạng thuộc địa. Thực hiện chiến lược cách mạng *giải phóng dân tộc, dân chủ tiến lên theo định hướng xã hội cộng sản vì độc lập tự do là tư tưởng cách mạng cốt lõi, là viên ngọc quý được khảm trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng.*

Lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc nhân dịp thành lập Đảng đã thể hiện tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng vạch ra trong cương lĩnh đó. Lời kêu gọi viết:

*“Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:*

- 1. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.*
- 2. Làm cho nước An Nam được độc lập.*
- 3. Thành lập chính phủ công nông binh.*
- 4. Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho chính phủ công nông binh.*
- 5. Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.*
- 6. Thực hiện ngày làm 8 giờ.*

7. *Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.*

8. *Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.*

9. *Thực hành giáo dục toàn dân.*

10. *Thực hiện nam nữ bình quyền”<sup>11</sup>.*

Dưới ngọn cờ chói lọi của tư tưởng độc lập, tự do và đại đoàn kết dân tộc, thực hiện chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản, ngay từ khi ra đời Đảng đã tổ chức và lãnh đạo đông đảo nhân dân ta vùng lên đấu tranh chống đế quốc thực dân Pháp và tay sai phản động. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, một phong trào cách mạng mà đỉnh cao là Xôviết - Nghệ Tĩnh đã bùng nổ trên quy mô cả nước. Đây là một phong trào cách mạng triệt để có tính chất quần chúng rộng rãi trong đó công nhân và nông dân là hai động lực chính đã tạo ra một sức mạnh cách mạng phi thường. Qua khủng bố trắng dữ dội của đế quốc Pháp, những người cách mạng, nhân dân lao động và những người yêu nước vẫn cố gắng đi theo cách mạng và âm thầm ủng hộ cách mạng, trong đó có cả tiểu địa chủ, phú nông. Ở nông thôn Nghệ - Tĩnh thì địa chủ phú nông, một số quan lại nhỏ đã phân hóa và phần lớn đã nghiêng về cách mạng. Họ tỏ ra quý trọng và khâm phục Đảng Cộng sản và phong trào công nông<sup>12</sup>. Đây là một hiện tượng lịch sử hiếm có trong phong trào cộng sản. Hiện tượng lịch sử này của cách mạng Việt Nam diễn ra năm 1930, ngay sau khi Đảng Cộng sản mới ra đời không phải là ngẫu nhiên bột phát nhất thời mà là một tất yếu khách quan, kết quả của một quá trình đấu tranh dân tộc, một sự lựa chọn lịch sử của quần chúng. Chính điều này đã khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng được vũ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với cương lĩnh cách mạng đúng đắn, sáng tạo xứng đáng là tổ chức đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Hồ Chí Minh đã tổng kết rằng: "Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta..."



Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - đảng của giai cấp công nhân – không ngừng củng cố và tăng cường”<sup>13</sup>.

Sự lựa chọn con đường phát triển của dân tộc vào đầu năm 1930 không chỉ do những điều kiện chính trị, kinh tế trong nước mà trước hết và cơ bản là nhờ Nguyễn Ái Quốc, bằng thiên tài trí tuệ và bản lĩnh khoa học của mình đã nắm vững giá trị khoa học của phương pháp duy vật biện chứng để xem xét lại và bổ sung, củng cố cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng triết lý lịch sử phương Đông và tư tưởng văn hoá truyền thống Việt Nam. Nghiên cứu hiện tượng lịch sử độc đáo này, Lê Duẩn viết: "Chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác, Lênin đã được nhà cách mạng sáng suốt nhất và cũng đầy nhiệt huyết nhất của dân tộc Việt Nam hóa và trao lại cho giai cấp công nhân Việt Nam. Nhà cách mạng ấy là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Với vị lãnh tụ của mình, giai cấp công nhân Việt Nam đã đem lại cho toàn thể dân tộc Việt Nam một niềm tin tưởng vô hạn vào sự thành công của cách mạng.

Và với vị lãnh tụ của mình, với tất cả những điều kiện lịch sử cụ thể của nước Việt Nam, với sứ mạng lịch sử của giai cấp mình trên thế giới, giai cấp công nhân Việt Nam có một lập trường cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và tất nhiên sẽ đưa lại độc lập tự do thực sự cho nước nhà"<sup>14</sup>.

## DỰ ÁN LUẬN CUƠNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG (10 - 1930)

Vừa mới ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam "liền giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Mào cờ đỏ của Đảng chói lọi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen

tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong”<sup>15</sup>.

Đảng ra đời giữa lúc chủ nghĩa tư bản thế giới trong đó có tư bản Pháp đang trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc về kinh tế. Để bảo vệ lợi ích của "chính quốc" nhất là lợi ích của bọn tư bản lũng đoạn, thực dân Pháp đã trút gánh nặng lên vai nhân dân các thuộc địa của chúng, đặc biệt là các nước ở bán đảo Đông Dương.

Chính sách "áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết”<sup>16</sup>. Chính vì vậy, một làn sóng đấu tranh dân tộc và dân chủ đã diễn ra sôi nổi trong toàn quốc mà đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh. Cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta chống thực dân Pháp và tay sai phản động trở nên quyết liệt và đẫm máu. Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Ban Chấp hành Trung ương lâm thời cũng như các đảng bộ địa phương, vừa mới ra đời đã bước vào một cuộc thử thách và rèn luyện trong lửa đạn đấu tranh cách mạng.

Trong cuộc khủng bố ác liệt của kẻ thù, một số đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng đã bị địch bắt hoặc bị giết chết, trong đó có một số uỷ viên Trung ương Đảng và cán bộ lãnh đạo các đảng bộ địa phương.

Tháng 4-1930, Trần Phú, sau khi tốt nghiệp Trường đại học Phương Đông (Liên Xô) trở về nước hoạt động. Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã tổ chức cho Trần Phú đi khảo sát phong trào công nhân và nông dân một số vùng ở Bắc Kỳ. Tháng 7-1930, Trần Phú được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng và được phân công cùng với Ban Thường vụ chuẩn bị các văn kiện chính trị kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong số văn kiện đó có bản Dự án *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*.

Giữa lúc phong trào cách mạng ở nước ta đã phát triển lên đỉnh cao, chính quyền Xôviết ra đời ở một số vùng thuộc Nghệ An và Hà Tĩnh, Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời đã họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) từ ngày 14 đến ngày 31- 10- 1930 do Trần Phú chủ trì. Theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương; thảo luận bản Dự án *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*, Nghị quyết về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng và các văn kiện chính trị khác. Ban Chấp hành Trung ương chính thức của Đảng được thành lập do Trần Phú làm Tổng Bí thư.

Dự án *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*, gồm có ba phần: 1. Tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương; 2. Những đặc điểm về tình hình Đông Dương; 3. Tính chất và nhiệm vụ cách mạng Đông Dương.

Về tình hình thế giới, Dự án *Luận cương* vạch rõ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất hệ thống tư bản chủ nghĩa đã không thể duy trì sự ổn định tạm thời nữa mà đã bước vào một cuộc khủng hoảng mới. Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa mới khó có thể tránh khỏi được. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã giành được những thành tựu lớn. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước đế quốc phát triển mạnh mẽ. Phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa đang diễn ra sôi nổi: "Cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa đã lên đến trình độ rất cao, có nơi đã sắp sửa cướp chính quyền"<sup>17</sup>. Tình hình thế giới đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, làm cho cách mạng Đông Dương càng phát triển mạnh mẽ.

Về tình hình Đông Dương, Dự án *Luận cương* nêu rõ: Đông Dương là một xứ thuộc địa của đế quốc Pháp.

Nền kinh tế Đông Dương hoàn toàn bị lệ thuộc vào nền kinh tế của "chính quốc". Công nghiệp không phát triển. Nông nghiệp là chủ yếu. Đồn điền phần lớn nằm

trong tay tư bản Pháp. Đại bộ phận đất đai do địa chủ chiếm hữu và bóc lột theo lối phong kiến. Tư bản Pháp độc quyền về xuất nhập cảng. Nông dân phá sản, đói khổ không có việc làm. Công nhân bị áp bức, bóc lột rất dã man. Tình hình đó đã làm cho "Sự mâu thuẫn giai cấp càng ngày càng kịch liệt: một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ, một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa"<sup>18</sup>. Vì thế cuộc đấu tranh của công nông Đông Dương ngày càng phát triển mạnh mẽ và có tính chất độc lập rõ rệt.

Đặc điểm kinh tế - xã hội và mâu thuẫn giai cấp ở Đông Dương quy định tính chất và nhiệm vụ cách mạng ở Đông Dương. Nội dung, tính chất và nhiệm vụ cách mạng Đông Dương được trình bày trong Dự án Luận cương chính trị như sau:

1. Cuộc cách mạng ở Đông Dương trong thời gian đầu là một cuộc *cách mạng tư sản dân quyền, có tính chất thổ địa và phản đế*.

Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Sau khi cuộc cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi, chính quyền cách mạng của công nông đã được thành lập, công nghiệp trũng nước đã được phát triển, các tổ chức vô sản được xây dựng vững mạnh và quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản được củng cố mạnh mẽ, tương quan lực lượng đối sánh cách mạng phát triển có lợi cho giai cấp vô sản, lại được các lực lượng cách mạng vô sản trên thế giới ủng hộ, *cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương sẽ "phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa"*<sup>19</sup>.

2. *Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải đấu tranh để đánh đổ các di tích phong kiến, thực hiện cách mạng ruộng đất và đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa Pháp làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến có quan hệ khăng khít với nhau vì có đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa mới đánh đuổi được giai cấp địa chủ, tiến hành cách mạng ruộng đất thắng lợi và ngược lại có phá tan chế độ phong kiến mới đánh được đế quốc chủ*

*nghĩa*. Để thực hiện được những nhiệm vụ cơ bản là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và phong kiến địa chủ thì phải thiết lập chính quyền Xôviết công nông, một công cụ sắc bén của cách mạng. Dự án Luận cương cũng đã nêu lên 10 nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền là:

- Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến, địa chủ.
- Lập chính phủ công nông.
- Tịch ký hết thảy ruộng đất của địa chủ ngoại quốc, địa chủ bản xứ và giáo hội, giao ruộng đất ấy cho trung và bản nông, quyền sở hữu ruộng đất thuộc về chính phủ công nông.
- Sung công tất cả xí nghiệp lớn của tư bản ngoại quốc.
- Bỏ các thứ sưu thuế hiện thời và lập ra thuế lũy tiến.
- Thực hiện ngày làm tám giờ, cải thiện đời sống cho công nhân và dân nghèo.
- Đông Dương hoàn toàn độc lập và thực hiện quyền dân tộc tự quyết.
- Lập quân đội công nông.
- Nam nữ bình quyền.
- Ủng hộ Liên Xô, liên kết với giai cấp vô sản thế giới và phong trào cách mạng thuộc địa và nửa thuộc địa.

3. Về động lực của cách mạng, Dự án Luận cương xác định *vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản giai cấp có nắm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được*. Giai cấp vô sản là động lực chính và rất mạnh của cách mạng đồng thời là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Còn giai cấp nông dân chiếm số đông trong dân chúng là một động lực mạnh của cách mạng. Để giành quyền lãnh đạo nông dân, giai cấp vô sản phải lãnh đạo nông dân tiến hành cách mạng ruộng đất triệt để. Vì vậy, vấn đề ruộng đất là cái cốt của cách mạng tư sản dân

quyền. Ngoài công nông ra còn có những người lao động nghèo khổ ở thành thị là người bán hàng rong đường phố, người làm nghề thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp... vì đời sống cực khổ nên đều đi theo cách mạng. Còn các tầng lớp tiểu tư sản như các nhà thủ công nghiệp thì do dự, nhà thương nghiệp thì không tán thành cách mạng, trí thức, học sinh có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ hăng hái tham gia chống đế quốc lúc đầu mà thôi. Tư sản thương nghiệp vì quyền lợi giai cấp của họ nên đứng về phía đế quốc và địa chủ. Tư sản công nghiệp có khuynh hướng quốc gia cải lương, song cuối cùng cũng đi theo đế quốc chủ nghĩa.

4. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định đưa cách mạng đến thắng lợi. Dự án Luận cương nhấn mạnh *“Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong cho vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chính và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản”*<sup>20</sup>.

Muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử ấy, trước hết Đảng cần phải tổ chức ra các đoàn thể quần chúng của Đảng như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, v.v., phải thu phục cho được đại đa số công nhân và nông dân, kiên quyết đánh bại chủ nghĩa quốc gia cải lương, không để cho quần chúng chịu ảnh hưởng của họ, tạm thời hợp tác với các đảng phái quốc gia cách mạng nhưng luôn luôn giữ cho phong trào cách mạng công nông có tính chất giai cấp rõ rệt và phải đấu tranh phê phán những hành động cách mạng không triệt để về tư tưởng quốc gia hẹp hòi của nó.

5. Thực hiện đoàn kết quốc tế để tạo nên một mặt trận cách mạng thế giới nhằm chống kẻ thù chung của giai cấp vô sản và các dân tộc thuộc địa là chủ nghĩa đế quốc: “Vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhưt là vô

sản Pháp, để làm... cho sức tranh đấu cách mạng được mạnh lên"<sup>21</sup>. Trong công tác, Đảng Cộng sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với Đảng Cộng sản Pháp, Trung Quốc và Ấn Độ.

Để chống lại nguy cơ chiến tranh đế quốc đang đến gần, Đảng phải tuyên truyền và tổ chức đấu tranh phản đối chiến tranh đế quốc, nêu khẩu hiệu chuyển chiến tranh đế quốc thành chiến tranh cách mạng, đánh đổ đế quốc và các giai cấp bóc lột, ủng hộ Liên Xô và phong trào cách mạng thế giới.

6. Về phương pháp cách mạng, Dự án Luận cương chỉ rõ trong lúc định chiến lược, Đảng phải xem xét kỹ tình hình trong nước và thế giới, lực lượng địch và sự tranh đấu của quần chúng, thái độ các giai cấp đối với cách mạng mà định ra phương thức đấu tranh. Đấu tranh cách mạng thường phát triển từ thấp đến cao. Lúc bình thường phải nêu ra các khẩu hiệu thấp nhằm bênh vực quyền lợi trước mắt cho quần chúng như đòi tăng tiền lương, giảm giờ làm, giảm thuế, chống thuế, chống sinh hoạt đắt đỏ, v.v.. Từ đó Đảng dẫn dắt quần chúng tiến lên thực hiện mục tiêu giành chính quyền khi có tình thế cách mạng. Dự án Luận cương nêu rõ: "Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ về phe cách mạng, quần chúng công nông thì sôi nổi cách mạng, quyết hy sinh phần đấu, thì Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông"<sup>22</sup>. Lúc đó Đảng phải nêu các khẩu hiệu cao như lập Xôviết, lập hội đồng tịch ký ruộng đất, sản nghiệp giao cho công nhân kiểm soát, võ trang cho công nông..., mở rộng các hình thức đấu tranh của quần chúng như bãi công, vừa bãi công vừa thị uy, võ trang thị uy, tổng bãi công, bạo động võ trang. Dự án Luận cương nhấn mạnh bạo động không phải là một việc bình thường mà phải nổ ra khi có tình thế cách mạng trực tiếp, phải theo đúng các nguyên tắc khởi nghĩa, "theo khuôn phép nhà binh", phải nổ ra đúng thời cơ, tránh manh động, khởi nghĩa non...

Những nội dung cơ bản nêu trên cho thấy Dự án Luận cương chánh trị đã trình bày những tư tưởng cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam, như tiến hành cách mạng tư sản dân quyền chống đế quốc và chống phong kiến nhằm giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho nông dân, thiết lập nhà nước công nông, sau đó tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản; giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là hai động lực chính của cách mạng; xác lập quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong cách mạng là Đảng Cộng sản; cách mạng Việt Nam phải liên kết với giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới. Dự án Luận cương còn xác định rõ con đường giành chính quyền phải là con đường khởi nghĩa vũ trang của quần chúng. Song Dự án Luận cương chánh trị chưa phân tích làm rõ tính chất và đặc điểm của, cách mạng ở một nước thuộc địa trong đó yếu tố dân tộc là yếu tố cơ bản quyết định tính độc đáo của nó, không thấy được đặc điểm và khả năng cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, mặt tích cực của tư sản dân tộc, của một số người trong tầng lớp tiểu và trung địa chủ, nhấn mạnh quá mức những hạn chế của tư sản dân tộc và tiểu tư sản; chưa thấy hết vai trò quan trọng của liên minh dân tộc rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai. Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng những năm về sau, các nhược điểm mang tính “tả”, khuynh giáo điều của Dự án Luận cương chánh trị đã được các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đặc biệt là Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương tháng 5-1941, do Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo khắc phục.

Vào mùa hè 1936, căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, Lào và Campuchia, kinh nghiệm lịch sử đã tích lũy được và chủ trương chuyên hướng hoạt động của Quốc tế Cộng sản được xác định tại Đại hội lần thứ V (7-1935), Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ trương chuyên hướng lãnh đạo về chính trị, tổ chức và đấu tranh. Đặc biệt Trung ương đã đặt vấn đề phải nhận thức lại ảnh hưởng của yếu tố dân tộc trong cách mạng thuộc địa, quan hệ giữa nhiệm



vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương. Trung ương Đảng đặc biệt nhấn mạnh và chỉ rõ mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc với nhiệm vụ dân chủ: *"một dân tộc bị áp bức như xứ Đông Dương vấn đề dân tộc giải phóng là một nhiệm vụ quan trọng của người cộng sản... Đảng có thể bồi dưỡng một tinh thần dân tộc giải phóng mạnh mẽ trong đám dân chúng bị áp bức không trái với nguyên tắc dân tộc tự quyết của Quốc tế Cộng sản, không trái với quyền lợi của vô sản giai cấp, nghĩa là cuộc dân tộc giải phóng theo nguyên tắc dân tộc bình đẳng, theo tinh thần quốc tế liên ái với các dân tộc bị áp bức, với vô sản thế giới và với nhân dân những xứ cách mạng đã thành công"*<sup>23</sup>.

Từ nhận thức đó, Trung ương nêu rõ: *"Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng. Vì rằng tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc nếu việc tranh đấu chống đế quốc là cần kíp..., còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc thì có thể trước đánh đổ đế quốc rồi sau giải quyết vấn đề điền địa, nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế liên tiếp giải quyết vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động... Nói tóm lại nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"*<sup>24</sup>.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Nhật xâm chiếm Đông Dương. Nhân dân các dân tộc Đông Dương bị Pháp - Nhật áp bức nặng nề. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với Pháp - Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Vận mệnh các dân tộc Đông Dương nguy vong không lúc nào bằng. Trước

tình hình đó, Hội nghị lần thứ sáu (11-1939), đặc biệt là Hội nghị lần thứ tám (5-1941) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã quyết định thay đổi chiến lược cách mạng tư sản dân quyền bằng chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc, tập trung và nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Trên cơ sở phân tích tình hình Chiến tranh thế giới thứ hai, sự thay đổi về kinh tế, chính trị, sự thay đổi về thái độ chính trị và lực lượng của các giai cấp ở Đông Dương dưới ách thống trị của Nhật - Pháp, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) nhấn mạnh cần phải "thay đổi chiến lược" cách mạng mới có thể đưa cách mạng đến thành công. Nghị quyết nêu rõ: "*Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp, "dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng*"<sup>25</sup>. Đúng như Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh trong Thư gửi đồng bào toàn quốc (6-6-1941): "*Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng... Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm*"<sup>26</sup>.

Quyết định thay đổi chiến lược, tập trung vào nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941) là một cột mốc đánh dấu sự trưởng thành về tư duy chính trị của Đảng, về năng lực lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng giải phóng dân tộc, là sự phát triển và hoàn chỉnh đường lối cách mạng đã được xác định từ cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hội nghị thống nhất Đảng thông qua. Sự thay đổi chiến lược này đã đáp ứng được yêu cầu của lịch sử, nguyện vọng của nhân dân, nên đã tạo nên lực hút kỳ diệu đối với mọi người Việt Nam yêu nước, dẫn đến sự vùng dậy

mãnh liệt với khí thế xung thiên của cả một dân tộc, đập tan bộ máy thống trị của phát xít Nhật và tay sai, kiến lập nên nhà nước dân chủ cộng hòa, nhà nước của dân, do dân và vì dân (8-1945). Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới rằng: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"<sup>27</sup>.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi của tư tưởng độc lập tự do, của chiến lược đại đoàn kết dân tộc; của nghệ thuật vận động tổ chức dẫn dắt quần chúng lên trận tuyến đấu tranh giành lại quyền độc lập tự do và phẩm giá dân tộc của Đảng, của Hồ Chí Minh.

## CHÍNH CƯƠNG CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM (2-1951)

Cách mạng Tháng Tám thành công và sự kiến lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử tiến hoá của dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do.

Vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã kiên cường trụ vững giữa vòng vây của kẻ thù, vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc!". Tiếp đến nhân dân ta đã bước vào cuộc chiến đấu chống lại cuộc xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp với ý chí "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!".

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là một cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào nội lực là chính, lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh, vừa đánh vừa xây dựng và phát triển lực lượng, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng. Vì thế lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như

sưởi mới cháy, như lửa mới nhóm, chỉ có tiến, không có thoái"<sup>28</sup>. Đến đầu năm 1951, lực lượng kháng chiến của Việt Nam, Lào và Campuchia đã có nhiều biến chuyển quan trọng. Tình hình thế giới cũng có những biến chuyển mới có lợi cho cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh đó Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp từ ngày 11-2 đến ngày 19-2-1951 tại Vinh Quang, Chiêm Hoá, Tuyên Quang. Đại hội đã quyết định thành lập ở Việt Nam, Lào và Campuchia mỗi nước một đảng Mác – Lênin riêng biệt thích hợp với đặc điểm phát triển của từng dân tộc. Đại hội quyết định ở Việt Nam lập *Đảng Lao động Việt Nam* và đưa Đảng ra hoạt động công khai tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ta và thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia.

Đại hội đã thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* của Hồ Chí Minh, báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội*<sup>29</sup> của Trường Chinh và bản *Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ* của Đảng Lao động Việt Nam.

Bản *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* gồm có ba chương - Chương I: Thế giới và Việt Nam; Chương II: Xã hội Việt Nam và cách mạng Việt Nam; Chương III: Chính sách của Đảng Lao động Việt Nam.

1. Phân tích tình hình thế giới, Chính cương nêu rõ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945), tương quan lực lượng giữa các lực lượng cách mạng với chủ nghĩa đế quốc và phản động đang phát triển có lợi cho các lực lượng cách mạng: “Phe dân chủ ngày một mạnh, phe đế quốc ngày một suy. Cán cân lực lượng giữa hai phe đã nghiêng hẳn về phe dân chủ"<sup>30</sup>. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đã phát triển mạnh mẽ, sôi nổi làm chuyển lay tận gốc toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Cuộc đấu tranh đó đã trở thành một bộ phận khăng khít của phong trào đấu tranh chống đế quốc gây chiến, bảo vệ hoà bình và giành dân chủ trên thế giới.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình và dân chủ thế giới. Vì vậy, cách mạng Việt Nam và cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ thế giới có quan hệ với nhau: nhờ những thắng lợi của phe dân chủ trên thế giới đặc biệt là sự thành công vĩ đại của nhân dân Trung Quốc và do sự cố gắng của toàn thể dân tộc, cách mạng Việt Nam nhất định sẽ thành công<sup>31</sup>.

2. Xã hội Việt Nam trước khi bị thực dân Pháp xâm lược là một xã hội phong kiến. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của vua quan và địa chủ phong kiến. Nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề. Vì vậy nông dân đã liên tiếp vùng dậy khởi nghĩa nhưng vì điều kiện kinh tế và xã hội chưa đủ, thiếu một giai cấp đại biểu cho phương thức sản xuất tiến bộ lãnh đạo cho nên các cuộc đấu tranh của nông dân không thể làm thay đổi được tính chất phong kiến của xã hội Việt Nam.

Từ khi bị đế quốc Pháp xâm lược và thống trị, Việt Nam biến thành một thị trường độc chiếm, nơi bóc lột tài nguyên, cho vay nặng lãi của chúng. Tính chất phong kiến của xã hội Việt Nam bị lay chuyển. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và trưởng thành nhanh chóng. Tư sản Việt Nam cũng đã xuất hiện song bị tư bản độc quyền Pháp chèn ép nên không phát triển được. Chính sách thuộc địa của Pháp ở Việt Nam là một chính sách hẹp hòi, bảo thủ nhằm kìm hãm sự phát triển của Việt Nam, làm cho Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc vào "chính quốc". Pháp đã kết hợp những hình thức áp bức bóc lột tư bản với những hình thức áp bức bóc lột phong kiến và nửa phong kiến, làm cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam, nhất là công nhân và nông dân vô cùng thống khổ. Từ một xã hội thuần túy có tính chất phong kiến, Việt Nam đã trở thành một xã hội *thuộc địa và nước phong kiến*. Nhiều cuộc

khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam đã bùng nổ. Tháng 8-1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân Việt Nam đã tổng khởi nghĩa thắng lợi lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. *Xã hội Việt Nam bước vào con đường dân chủ nhân dân.* Nhưng đế quốc Pháp đã trở lại xâm lăng, lập lại chế độ thuộc địa trên một phần đất nước ta. Xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là một xã hội phát triển không đều và phức tạp, bao gồm ba tính chất: *dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.* Mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân với tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết dưới hình thức chiến tranh.

Xuất phát từ nhu cầu phát triển xã hội, cách mạng Việt Nam lúc này phải giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam với những thế lực phản động, để cho chế độ ấy phát triển mạnh mẽ và thuận chiều tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đế quốc xâm lược là thế lực phản động chính đang ngăn cản sự phát triển của xã hội Việt Nam. Còn những di tích phong kiến cũng làm cho xã hội Việt Nam bị đình trệ. Do đó: *"Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược có thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động"*<sup>32</sup>.

Để xoá bỏ các đối tượng trên , chính cương nêu rõ:

*"Nhiệm vụ cơ bản.. của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội"*<sup>33</sup>.

Ba nhiệm vụ đó quan hệ khăng khít với nhau song trước mắt phải tập trung lực lượng hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Để thực hiện các nhiệm vụ đó, Đảng ta xác định các lực lượng cách mạng Việt Nam gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công nông và lao động trí thức. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Cuộc cách mạng nhằm thực hiện các nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập và thống nhất dân tộc và người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội do nhân dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân là một cuộc *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*. Đó là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa không phải trải qua một cuộc nội chiến cách mạng.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định tiến lên chủ nghĩa xã hội. Con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam phải trải qua một thời gian dài bao gồm nhiều giai đoạn. Chính cương nêu rõ về đại thể phải trải qua ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc.

Giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân.

Giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn đó không tách rời mà mật thiết liên hệ xen kẽ với nhau. Mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trung tâm của nó.

Trong giai đoạn thứ nhất, mũi nhọn của cách mạng nhằm vào đế quốc xâm lược. Đảng phải vận động tập hợp mọi lực lượng dân tộc, tổ chức thành một Mặt trận

dân tộc thống nhất rộng lớn chống đế quốc xâm lược và bọn Việt gian, đồng thời phải cải thiện đời sống cho nhân dân, nhất là nhân dân lao động để họ hăng hái tham gia kháng chiến.

Trong giai đoạn thứ hai, Đảng phải tập trung lực lượng xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, triệt để thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, phát triển công nghiệp, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân, bảo vệ Tổ quốc.

Đến giai đoạn thứ ba, trọng tâm của cách mạng và phát triển cơ sở xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước tiến cụ thể của giai đoạn này phải tùy theo điều kiện cụ thể trong nước và quốc tế mà quyết định.

3. Nhằm đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở cho việc kiến thiết nước nhà, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương thi hành các chính sách lớn sau đây:

- Kiên quyết kháng chiến đến cùng chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ để giành độc lập và thống nhất thật sự cho Tổ quốc; thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài qua ba giai đoạn phòng ngự, cầm cự và tổng phản công; thực hiện tổng động viên đồng thời luôn luôn bồi dưỡng lực lượng kháng chiến về mọi mặt.

- Xây dựng chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là chính quyền của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ yêu nước và tiến bộ. Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo, tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung.

- Thực hiện đoàn kết tất cả mọi đảng phái, đoàn thể, nhân sĩ yêu nước, không phân biệt giai cấp, chủng tộc, tôn giáo, nam nữ trong một Mặt trận dân tộc thống nhất để cùng nhau kháng chiến thắng lợi. Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nông và trí thức làm nòng cốt, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Đảng Lao động



Việt Nam đoàn kết với các đảng phái, các đoàn thể, các thân sĩ trong Mặt trận theo nguyên tắc: đoàn kết thành thực, thống nhất hành động, hợp tác lâu dài vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

- Quân đội Việt Nam là quân đội nhân dân có tính chất dân tộc, dân chủ và hiện đại, do nhân dân tổ chức, vì nhân dân mà chiến đấu.

- Chính sách ruộng đất chủ yếu là giảm tô, giảm tức; quy định lại chế độ lĩnh canh; tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo; chia lại ruộng công, sử dụng hợp lý ruộng đất vắng chủ và ruộng hoang.

Chính cương còn đề cập tới các chính sách về kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục, tôn giáo, dân tộc, ngoại giao...

Đại hội yêu cầu tất cả mọi đảng viên phải hiểu rõ, phải giác ngộ quần chúng và vận động họ thi hành các chính sách chung đó của Đảng Lao động Việt Nam nhằm mang lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc.

Đại hội lần thứ II của Đảng là một sự kiện trọng đại trong lịch sử Đảng ta. Hồ Chí Minh trong thư gửi Đại hội trù bị của Đảng đã viết: "Đại hội ta là đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam"<sup>34</sup>. Đường lối, chủ trương, chính sách do Đại hội đề ra thể hiện tinh thần quyết chiến, quyết thắng thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, hoàn thành độc lập, thống nhất, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thành công của Đại hội đánh dấu bước phát triển vượt bậc và toàn diện, đặc biệt về tư tưởng, đường lối cách mạng và kháng chiến. *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam là một bản cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ nhằm tiến triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa* có giá trị lý luận và tính thực tiễn chính trị sâu sắc. Chính cương thể hiện tư duy biện chứng trong tư tưởng và phương pháp, trong lý

luận cách mạng và kháng chiến của Hồ Chí Minh và của Đảng ta dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, triết lý lịch sử phương Đông, tư tưởng nhân văn truyền thống Việt Nam được vận dụng vào điều kiện cách mạng và kháng chiến của dân tộc trong những năm 50 của thế kỷ XX.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi với chiến công lịch sử hiển hách là chiến thắng Điện Biên Phủ - chiến công đó cắm cái mốc vàng chói lọi trong lịch sử dân tộc, đồng thời đã ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Thắng lợi đó là một minh chứng hùng hồn về tính đúng đắn, sáng tạo của đường lối cách mạng Việt Nam nói chung, của chính cương, đường lối cách mạng và kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam, do Hồ Chí Minh đứng đầu.

## CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (6-1991)

Từ tháng 7-1954, đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam bị đế quốc Mỹ xâm lược và thống trị. Đảng ta đã xác định đường lối chung của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: Đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, trước mắt nhằm mục tiêu chung là thực hiện thống nhất đất nước.

Thực hiện đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo đó, gương cao ngạo cờ “không có gì quý hơn độc lập tự do”, đồng bào và chiến sĩ cả nước không quản hy sinh gian khổ, với sự ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và tiền bộ trên

toàn thế giới đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trải qua hơn 20 năm chiến đấu, lần lượt đánh bại bốn chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đến mùa Xuân 1975 bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy vĩ đại, quân và dân ta đã hoàn thành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1975). Cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 10 năm đầu từ khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1976-1986), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vượt qua mọi thử thách mới, đã hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Đại hội lần thứ IV, Đại hội lần thứ V của Đảng và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa IV và V đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định mục tiêu, phương hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa để xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như ước nguyện của Hồ Chí Minh và đã giành được những kết quả quan trọng. Song bên cạnh đó, Đảng ta cũng đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài. Nguyên nhân cơ bản khiến Đảng ta phạm những sai lầm, dẫn đến khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội, trước hết là do chưa nhận thức đầy đủ quan điểm và đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam do Đại hội lần thứ II của Đảng (2-1951) vạch ra, rằng con đường để đưa đất nước ta lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình đầy khó khăn và lâu dài. Không thể gang chân ra mà bước một bước khổng lồ đi đến ngay chủ nghĩa xã hội. Phải bước nhiều bước, chia nhiều giai đoạn tiến lên. Hơn nữa lại chưa nắm bắt được đầy đủ thực tiễn của đất nước, bị tư tưởng chủ quan, duy ý chí, nóng vội chi

phối đã làm hạn chế thêm năng lực nhận thức và hành động theo quy luật khách quan của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Trong nhận thức của Đảng lúc bấy giờ về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan điểm lạc hậu, nhất là những quan niệm về chế độ sở hữu, về những hình thức sở hữu, về nhiều thành phần kinh tế, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về công nghiệp hoá, về quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v..

Trước tình hình đó, tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Hà Nội. Với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đã đánh giá đúng thành tích và những khuyết điểm, sai lầm trong công tác lãnh đạo của Đảng, đề ra đường lối đổi mới. Từ thực tiễn cách mạng trong những năm đã qua, Đảng đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý trong đó có bài học lớn là "Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng"<sup>35</sup>.

Để khắc phục khuyết điểm, sai lầm, đưa đất nước vượt qua khỏi tình trạng khủng hoảng, Đảng ta chủ trương trước hết phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. "Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng chung của xã hội"<sup>36</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng là đại hội đề ra đường lối đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Vì vậy, Đại hội VI, cùng với việc vạch ra đường lối đổi mới, Đảng ta đã xác định, *cần xúc tiến gây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ*. Đại hội chỉ rõ việc thảo ra một cương lĩnh cách mạng hoàn

chính và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội<sup>37</sup>.

Thực hiện quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ngay từ tháng 2-1987, Trung ương Đảng đã chỉ đạo việc soạn thảo cương lĩnh và chiến lược kinh tế- xã hội.

Ban soạn thảo cương lĩnh và chiến lược kinh tế do Nguyễn Văn Linh làm Trưởng ban. Tiểu ban soạn thảo cương lĩnh do Trường Chinh làm Trưởng tiểu ban. Sau khi Trường Chinh qua đời, Nguyễn Văn Linh trực tiếp làm Trưởng tiểu ban. Trong quá trình soạn thảo cương lĩnh và các văn kiện chính trị của Đảng, đại bộ phận đảng viên, đông đảo các tầng lớp nhân dân, các vị lão thành cách mạng, đoàn viên, hội viên các đoàn thể, các nhà khoa học, nhân sĩ trí thức đã tích cực góp ý kiến vào cương lĩnh và các văn kiện chính trị do các tiểu ban Trung ương chuẩn bị.

Tháng 6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp tại Hà Nội. Tại Đại hội này *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* cùng với *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, *Báo cáo chính trị*, *Báo cáo xây dựng Đảng* và *Sửa đổi Điều lệ Đảng* của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) đã được thông qua.

Ý nghĩa trọng đại của Đại hội VII là lần đầu tiên Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000*. Đây là những văn kiện quan trọng nhất xuyên suốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong một thời kỳ lịch sử tương đối lâu dài.

Cương lĩnh đã trình bày: 1. Quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm; 2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; 3 Những định hướng lớn về chính

sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại; 4. Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

1. Về quá trình cách mạng Việt Nam trong suốt 45 năm đấu tranh từ 1930 trở đi, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và những thành tựu to lớn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, song Đảng cũng đã phạm những sai lầm nghiêm trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn cách mạng đã qua, Cương lĩnh nêu lên những bài học lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ mà Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức của mình để giải quyết các vấn đề

do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống các nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá biến chất của cán bộ, đảng viên.

2. Sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta diễn ra trong hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc. Đó là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút hầu hết các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội được quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển và cuộc sống các dân tộc, tạo ra thời cơ phát triển cũng như những thách thức gay gắt đối với những nước lạc hậu về kinh tế. Các nước xã hội chủ nghĩa trong quá trình hình thành và phát triển đã giành được những thành tựu to lớn song cũng đã mắc những sai lầm và thất bại, dẫn đến sự thay đổi chế độ xã hội ở một số nước. Chủ nghĩa tư bản trước mắt còn có những tiềm năng lớn về kinh tế. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc. Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh khó khăn và phức tạp chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc để bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc. Nhân dân thế giới đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách là đấu tranh giữ gìn hoà bình, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ dân số, v.v..

Cương lĩnh nhân mạnh "Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử*"<sup>38</sup>.

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ một xã hội vốn là thuộc địa, lực lượng sản xuất thấp, tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều, hậu quả chiến tranh để lại nặng nề, các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập của dân tộc. Song bên cạnh đó chúng ta cũng có những thuận lợi và thuận lợi là cơ bản như có chính quyền dân chủ của nhân dân, dân tộc ta có truyền thống yêu nước, anh hùng, cần cù lao động, có cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu, có điều kiện xây dựng trong hoà bình, có nhiều khả năng tiềm tàng, v.v..

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế và trong nước như trên, đòi hỏi "chúng ta phải tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội"<sup>39</sup>.

Vậy xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có những đặc trưng gì? Trả lời câu hỏi lớn này, cương lĩnh xác định đó là một xã hội có các đặc trưng sau:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau.
- Có quan hệ hữu nghị hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.



Các đặc trưng nói trên gắn bó hữu cơ thành một thể thống nhất trong bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa. Giá trị bản chất đó sẽ đạt tới trình độ chín muồi khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh vạch rõ, để đưa đất nước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, điều có ý nghĩa quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống phá độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì vậy trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cần phải nắm vững *những phương hướng cơ bản sau*:

Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do giai cấp công nhân lãnh đạo; phải thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

Hai là, phải phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại hoá gắn liền với phát triển nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, từng bước thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, thực hiện

nhiều hình thức phân phối, chủ yếu là phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ.

Năm là, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cương lĩnh cũng đã xác định: mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh"<sup>40</sup>.

Do đặc điểm của tình hình đất nước chi phối cho nên thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải lâu dài, trải qua nhiều chặng đường khác nhau với những

mục tiêu cụ thể khác nhau. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh chóng sau.

*3. Những định hướng lớn về chính sách kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại* nêu ra trong cương lĩnh gồm các vấn đề sau:

Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ gắn liền với phân công và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng, xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự phát triển của lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới. Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu.

- Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phương hướng lớn của chính sách xã hội là phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần, giữa đáp ứng nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài, giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành

động của các thế lực đế quốc phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Mục tiêu của chính sách đối ngoại là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

#### *4. Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng:*

Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân và Đảng Cộng sản Việt Nam là những bộ phận hợp thành hệ thống chính trị nước Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn tới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật. Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người. Quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

Nhà nước là cơ quan quyền lực của nhân dân phải định ra luật pháp và tổ chức, quản lý xã hội bằng luật pháp. Sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực có sự phân công phân cấp đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương. Nhà nước thống nhất quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền đó. Nhà nước thường xuyên có mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân tổ chức, tập hợp đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo lợi ích của đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ, đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng, đạo đức, quyền và nghĩa vụ công dân, giữ mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị và là lực lượng lãnh đạo hệ thống đó.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền vận động, tổ chức và kiểm tra, bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* là cơ sở chính trị, tư tưởng để củng cố và tăng cường hơn nữa khối đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu và thắng lợi của nhân dân ta tiến lên trong thời kỳ mới.

\* \*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu một cột mốc lịch sử quan trọng về sự thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy, đổi mới việc hoạch định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta phù hợp với quy luật khách quan. Đường lối đổi mới đó được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII bổ sung và phát triển, thể hiện sáng rõ ở *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ*

*quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ở Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương.*

Tiếp đó, các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6-1996), lần thứ IX (4-2001) của Đảng đã tiếp tục bổ sung và phát triển cương lĩnh và chiến lược trên hầu hết các lĩnh vực từ kinh tế đến văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và Nhà nước.

Trong tình thế đất nước gặp muôn vàn khó khăn, Đảng và nhân dân ta đã thể hiện trí tuệ và bản lĩnh cách mạng của mình, phát huy nội lực dân tộc, mở rộng quan hệ quốc tế, đã kiên cường, sáng tạo, đẩy lùi nguy cơ, đưa sự nghiệp đổi mới không ngừng tiến lên. Qua 20 năm đổi mới, nhất là từ 1991 trở đi, công cuộc đổi mới của chúng ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện về kinh tế, về đời sống của nhân dân; về hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; về ổn định chính trị - xã hội; về quốc phòng - an ninh; về vị thế nước ta trên trường quốc tế. Điều đó đã tạo ra thế và lực mới cho chúng ta tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Chúng ta có căn cứ khoa học về thực tiễn để khẳng định: Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4-2006) của Đảng đã nêu rõ: "Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành lên những nét cơ bản"<sup>41</sup>.

Đại hội đã tổng kết, tiếp tục làm rõ thêm nội dung xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là:

1- Một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh;

2- Do nhân dân làm chủ;

3- Nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất;

4- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

5- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.

6- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

7- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân được sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản;

8- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới<sup>42</sup>.

Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế đó có ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân) hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế đó là những bộ phận quan trọng hợp thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế...

Từ thực tiễn của hơn 20 năm đổi mới, Đảng đã khẳng định giá trị định hướng và chỉ đạo của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Đồng thời cũng cho Đảng thấy rõ hơn những vấn đề mới của đất nước đặt ra cần phải được giải đáp. Vì vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển

cương lĩnh, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong quá trình đưa nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

**Chú thích:**

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.171-172.
- 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.465, 466, 467. Xem *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*. Tài liệu này không ghi tên tác giả, nhưng theo các nhà nghiên cứu thì tác giả không ai khác là Hồ Chí Minh, người Việt Nam duy nhất ở Mátxcova lúc đó.
4. Lê Khả Phiêu: *Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường Đảng ta và nhân dân ta tiến vào thế kỷ XXI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.13-14.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.517.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr.128.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.1, tr.28.
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.1.
9. Khái niệm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng” về sau được Đảng ta gọi là “cách mạng dân tộc dân chủ”.
10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.1.
11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.10.
12. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.230.



13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr.9.
14. Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967, tr.40.
15. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr.3.
16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.9.
- 17, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.89, 90.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.94.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.2, tr.100.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.103
22. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr. 101-102.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.6, tr.147.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.6, tr.105.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.7, tr.119.
26. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.198.
27. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.3, tr.557.
28. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.314.

29. Bản báo cáo được xuất bản với tiêu đề là Bàn về cách mạng Việt Nam.
- 30, 31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.12, tr.429, 431.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.12, tr.433.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.12, tr.434.
34. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.150.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.30.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd*, tr.30.
37. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd*, tr.41.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.7-8.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.8.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.11.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.68.
42. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.68.



## Phần II

### CÁC CƯƠNG LĨNH CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM CHÁNH CƯƠNG VẤN TẮT CỦA ĐẢNG

Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa nên chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

#### *A. Về phương diện xã hội thì:*

- a) Dân chúng được tự do tổ chức.
- b) Nam nữ bình quyền, v.v..
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

#### *B. Về phương diện chính trị:*

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
- c) Dựng ra chính phủ công nông binh.
- d) Tổ chức ra quân đội công nông.

#### *C. Về phương diện kinh tế:*

- a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái.
- b) Thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý.

- c) Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo.
- d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.
- e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.
- f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ.

In trong Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đảng toàn tập,

Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội,

1998, t.2, tr.2-3.

## SÁCH LƯỢC VĂN TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.
2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trừ bọn đại địa chủ và phong kiến.
3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.
4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng,

ít lâu mới<sup>1</sup> làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.

5. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

In trong Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đảng toàn tập,

Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1998, t.2, tr. 4-5.

## CHƯƠNG TRÌNH TÓM TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng.
2. Đảng tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến.
3. Đảng giải phóng công nhân và nông dân thoát khỏi ách tư bản.
4. Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phản cách mạng như Đảng Lập hiến, v.v..

5. Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác.

Đảng phổ biến khẩu hiệu "Việt Nam tự do" và đồng thời Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp.

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1930**

In trong Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đảng toàn tập,

Nxb. Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1998, t.2, tr. 6

## **LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG**

**(Dự án để thảo luận trong Đảng)**

### **I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG**

1. Từ sau lúc đế quốc chiến tranh (1914-18), tình hình thế giới có thể chia ra làm ba thời kỳ:

a) Trong thời kỳ thứ nhất (1918-23), kinh tế tư bản vì chiến tranh mà tiêu điều, khủng hoảng, vô sản Âu châu nhiều chỗ nổi lên tranh đấu cướp chánh quyền. Rút cuộc, một mặt thì vô sản Nga dẹp được bọn đế quốc vây đánh ở ngoài và bọn phản

cách mạng phá phách ở trong mà đặt vững nền vô sản chuyên chính; nhưng một mặt thì vô sản Tây Âu bị thất bại (như vô sản Đức năm 1923).

b) Trong thời kỳ thứ hai (1923-28), các đế quốc chủ nghĩa như vô sản Âu châu vừa thất bại, hết sức tiến công mà bóc lột vô sản giai cấp và dân thuộc địa, làm cho kinh tế đế quốc được tạm thời ổn định. Vô sản giai cấp ở các nước đế quốc vì thất bại trong thời kỳ trước cho nên chỉ lo tranh đấu mà giữ thế thủ. ở các thuộc địa thì cách mạng nổi lên. ở Liên bang Xôviết thì kinh tế trở nên vững vàng, làm cho ảnh hưởng cộng sản lan khắp thế giới.

c) Thời kỳ thứ ba là thời kỳ hiện nay có những đặc điểm sau này: Sự tạm thời ổn định của tư bản đã không thể giữ lại được nữa, mà lại đã trở vào khủng hoảng, thành thử đế quốc chủ nghĩa lại càng phải giành nhau thị trường rất kịch liệt, làm cho trận đế quốc chiến tranh sắp tới không sao tránh khỏi được. Kinh tế Liên bang Xôviết đã phát triển lên quá trình độ trước thời kỳ đế quốc chiến tranh, đã gây dựng xã hội chủ nghĩa một cách rất thắng lợi, cho nên các đế quốc chủ nghĩa càng căm tức, muốn đánh đổ Liên bang Xôviết là thành trì cách mạng thế giới. Ở các nước đế quốc thì vô sản giai cấp tranh đấu kịch liệt (bãi công lớn ở Đức, ở Pháp, ở Ba Lan, v.v.); ở các thuộc địa thì phong trào cách mạng rất là bùng nổ (như là Tàu và Ấn Độ). Có phong trào cách mạng như thế là vì tư bản bị khủng hoảng và càng thẳng tay bóc lột quần chúng, làm cho số công nhân thất nghiệp trong thế giới có hàng mấy mươi triệu và tình cảnh quần chúng công nông rất khổ cực. Trong thời kỳ thứ ba này, cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa đã lên đến trình độ rất cao, có nơi đã sắp sửa cướp chính quyền. Hiện nay Đông Dương đã đem lực lượng cách mạng tham gia vào phong trào tranh đấu rầm rộ trong thế giới, mở rộng hàng trận công nông chống với đế quốc chủ nghĩa. Và lại phong trào cách mạng bùng nổ trong thế giới (như là ở Tàu và Ấn Độ) lại ảnh hưởng mạnh đến phong trào tranh đấu ở Đông Dương, làm cho cách mạng Đông Dương càng mau



bành trướng. Vậy nên cách mạng thế giới và cách mạng Đông Dương rất có quan hệ với nhau.

## II- NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ TÌNH HÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

2. *Xứ Đông Dương* (Việt Nam, Cao Miên và Lào) là một xứ thuộc địa để khai khẩn của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Bởi vậy kinh tế của Đông Dương bị phụ thuộc vào kinh tế của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Hai điều đặc điểm hơn hết ở trong sự phát triển Đông Dương là: a) Xứ Đông Dương cần phải phát triển một cách độc lập, nhưng vì là thuộc địa cho nên không phát triển độc lập được. b) Sự mâu thuẫn giai cấp càng ngày càng kịch liệt: một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

### 3. *Mâu thuẫn về kinh tế*

a) Nông nghiệp thì phần nhiều là phải làm ra cho đế quốc chủ nghĩa đem bán ở nước ngoài, tuy vậy mà cách kinh doanh vẫn không thoát khỏi lối phong kiến. Các thứ đồn điền (cao su, bông, cà phê, v.v.) thì phần nhiều là của bọn tư bản Pháp. Ruộng đất phần rất nhiều là của bọn địa chủ bản xứ. Kinh doanh theo lối phong kiến, nghĩa là cho dân cày nghèo thuê từng miếng mà lấy địa tô rất cao. Hoa lợi về nghề làm ruộng ở Đông Dương lại kém hơn ở các xứ khác (một héc-ta ở Mã Lai thì được 2.150 kilô lúa, ở Xiêm 1.870 kilô, ở Âu châu 4.570 kilô, ở Đông Dương chỉ 1.210 kilô). Lúa gạo xuất cảng hàng năm càng nhiều, nhưng không phải vì nghề nông phát triển mà chánh là vì bọn tư bản cướp gạo của dân mà bán.

b) Chế độ áp bức của đế quốc chủ nghĩa Pháp làm ngăn trở không cho sức sản xuất Đông Dương phát triển. Đế quốc chủ nghĩa không khoách trương các công nghệ nặng (như nấu sắt, đúc máy, v.v.), vì những công nghệ ấy phát triển thì hại cho độc quyền của công nghệ Pháp. Nó chỉ phát triển những công nghệ gì rất cần dùng cho sự thông trị và buôn bán của nó mà thôi, như (đường xe lửa, xưởng đóng tàu nhỏ,

v.v.). Mục đích của đế quốc Pháp là cốt làm cho Đông Dương thành ra một xứ phụ thuộc về nền kinh tế của nó, vì vậy nên nó chỉ cho phát triển công nghệ gì làm ở Đông Dương có lợi cho nó hơn làm ở Pháp mà thôi. Sự khai khẩn nguyên liệu không phải cốt làm cho xứ Đông Dương phát triển kinh tế một cách độc lập, mà cốt làm cho công nghệ Pháp khỏi phải phụ thuộc vào các đế quốc khác.

c) Việc buôn bán xuất cảng thì nằm trong một bọn tư bản Pháp. Bởi vậy cho nên việc buôn bán và việc sanh sản trong xứ đều tùy theo sự cần dùng xuất cảng của đế quốc Pháp. Thành thử xuất cảng càng tăng tiền bao nhiêu thì các sản vật tự nhiên trong xứ lại bị đế quốc chủ nghĩa rút hết bấy nhiêu. Lại có một điều đặc biệt nữa là các nhà ngân hàng Pháp (như Đông Pháp ngân hàng, Địa ốc ngân hàng, v.v.) góp tiền vốn của dân bản xứ để dùng cho bọn buôn bán xuất cảng Pháp. Nói tóm lại: Kinh tế Đông Dương cũng vẫn là kinh tế nông nghiệp, mà trong kinh tế ấy thì những lối phong kiến lại chiếm địa vị trọng yếu. Tất cả những điều kiện ấy làm cho kinh tế Đông Dương không có thể phát triển độc lập được.

#### 4. *Mâu thuẫn giai cấp*

Đế quốc chủ nghĩa Pháp liên hiệp với bọn địa chủ, bọn lái buôn và bọn cho vay bản xứ mà bóc lột dân cày một cách rất độc ác. Đế quốc chủ nghĩa rút các sản vật nông nghiệp đem bán cho các nước ngoài, đem hàng hoá của nó vào bán trong xứ, bắt dân đóng sưu cao, thuế nặng, làm cho dân cày đói khổ và thủ công thất nghiệp rất nhiều.

Ruộng đất thì lần lần rút vào tay đế quốc và địa chủ cả, lại có một bọn bao đất về cho thuê lại (quá đắt), ruộng đất thuê đi mướn lại mấy lần mới đến dân cày nghèo, bởi vậy mà địa tô rất cao.

Dân cày thiếu thốn phải đi vay, thì phải bị bọn cho vay bóc lột, đến nỗi nhiều khi phải đem ruộng đất hoặc con cái mà gán nợ.

Đê giữ nước lụt thì đế quốc không chú ý sửa sang. Dẫn thủy nhập điền thì về tay một bọn tư bản nó cho thuê rất cao, dân cày nghèo không có tiền thì không có nước. Thành thử nạn mất mùa vì nước lụt và đại hạn càng ngày càng nhiều. Vì vậy dân cày chẳng những là không có thể phát triển kinh tế của họ, mà lại càng ngày càng phải phụ thuộc vào bọn tư bản và càng phải suy đồi, số người thất nghiệp và chết đói càng ngày càng đông.

Nền kinh tế cũ thì phá hoại rất mau mà công nghệ mới thì phát triển rất chậm; những người đói khổ và thất nghiệp không thể hoá ra công nhơn hết mà phải đọng lại trong nhà quê. Tình cảnh ở nhà quê rất là thê thảm.

Ở các sản nghiệp và các đồn điền, hầm mỏ, bọn tư bản bóc lột đê nén thợ thuyền một cách rất dã man. Tiền lương thì không đủ ăn lại bị cúp ngược, cúp xuôi. Ngày làm thì trung bình cũng 11, 12 giờ. Thường thường lại bị chửi bị đánh. Lúc ốm đau đã không được thuốc thang mà lại còn bị đuổi. Công nhơn không có chút xã hội bảo hiểm nào cả. Ở trong các đồn điền và hầm mỏ, bọn chủ nhốt thợ thuyền trong trại và không cho đi ra khỏi chỗ làm. Chúng nó dùng giấy giao kèo mà mộ người chở đi chỗ khác rồi tự do cai quản lấy thợ thuyền, thậm chí có quyền xử phạt thợ thuyền. Vì tình cảnh làm ăn cực khổ như thế, cho nên số công nhơn Đông Dương bị bệnh nguy hiểm (như ho lao, đau mắt, sốt rét, v.v.) rất đông; số người chết non rất đông và càng ngày càng thêm. Vô sản giai cấp Đông Dương tuy chưa đông đúc, nhưng số thợ thuyền càng ngày càng thêm, nhứt là thợ đồn điền. Sự tranh đấu của thợ thuyền càng ngày càng hăng hái. Dân cày cũng đã tỉnh dậy chống đế quốc và địa chủ rất kịch liệt. Những cuộc bãi công trong năm 1928-1929, những cuộc tranh đấu rất dữ dội của thợ thuyền và dân cày trong năm nay (1930) đã chứng tỏ ra rằng sự tranh đấu giai cấp ở Đông Dương ngày càng bành trướng. Điều đặc biệt và quan trọng nhứt trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự

tranh đấu của quần chúng công nông có tính chất độc lập rất rõ rệt, chứ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như lúc trước nữa.

### III - TÍNH CHẤT VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

5. Hết thảy những điều mâu thuẫn đã kể trên làm cho phong trào cách mạng ở Đông Dương càng ngày càng phát triển. Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bởi vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa; sức kinh tế trong xứ còn rất yếu, các di tích phong kiến còn nhiều, sức mạnh giai cấp tương đương chưa mạnh về phía vô sản, và lại còn bị đế quốc chủ nghĩa áp bức. Vì những điều kiện ấy cho nên thời kỳ bây giờ cách mạng chỉ có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Tư sản dân quyền cách mạng được thắng lợi, chính phủ công nông đã dựng lên rồi, thì công nghiệp trong nước được phát triển, các tổ chức vô sản được thêm mạnh, quyền lãnh đạo của vô sản sẽ thêm kiên cố, sức mạnh giai cấp tương đương sẽ nặng về phía vô sản. Lúc đó sự tranh đấu sẽ thêm sâu, thêm rộng, làm cho cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Thời kỳ này là thời kỳ cách mạng vô sản toàn thế giới và thời kỳ kiến trúc xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xôviết; xứ Đông Dương sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chính các nước giúp sức cho mà phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được.

6. Sự cốt yếu của tư sản dân quyền cách mạng thì một mặt là phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu

có liên lạc mật thiết với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa. Muốn thực hành được những điều cốt yếu ấy thì phải dựng lên chính quyền Xôviết công nông. Chỉ có chính quyền Xôviết công nông mới là cái khí cụ rất mạnh mà đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, phong kiến, địa chủ, làm cho dân cày có đất mà cày, làm cho vô sản có pháp luật bảo hộ quyền lợi cho mình.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là:

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến và địa chủ,
- b) Lập chính phủ công nông,
- c) Tịch ký hết thầy ruộng đất của bọn địa chủ ngoại quốc, bọn xứ và các giáo hội; giao ruộng đất ấy cho trung và bản nông, quyền sở hữu ruộng đất về chính phủ công nông,
- d) Sung công hết thầy các sản nghiệp lớn của bọn tư bản ngoại quốc.
- đ) Bỏ các sưu thuế hiện thời, lập ra thuế lũy tiến,
- e) Ngày làm công tám giờ, sửa đổi sự sanh hoạt cho thợ thuyền và quần chúng lao khổ,
- g) Xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, thừa nhận dân tộc tự quyết,
- h) Lập quân đội công nông,
- i) Nam nữ bình quyền,
- k) Ủng hộ Liên bang Xôviết; liên kết với vô sản giai cấp toàn thế giới và phong trào cách mạng thuộc địa và bán thuộc địa.

*7. Trong cuộc cách mạng ở Đông Dương, địa vị các giai cấp không đều nhau:*

a) *Bọn tư bản* đối với đế quốc chủ nghĩa có vị trí không đều nhau: bọn tư bản thương mại vì có lợi quyền dính dáng với đế quốc cho nên đứng về một phe với đế quốc chủ nghĩa và địa chủ mà chống cách mạng. Bọn tư bản công nghệ vẫn có lợi quyền trái với đế quốc chủ nghĩa; nhưng vì:

- Là sức lực của chúng nó rất kém,
- Là chúng nó có dính dáng với địa chủ (có nhiều anh kiêm địa chủ),
- Là chúng nó sợ phong trào vô sản và chịu ảnh hưởng phản cách mạng của bọn tư bản Tàu và Ấn Độ, cho nên chúng nó không thể đứng về quốc gia cách mạng mà chỉ đứng về mặt quốc gia cải lương.

Nhưng khi phong trào quần chúng nổi lên cao, cách mạng V.S<sup>2</sup> đến trước mắt thì bọn này sẽ theo phe đế quốc chủ nghĩa.

b) Tiểu tư sản có nhiều hạng, địa vị mỗi hạng lại mỗi khác và trong mỗi thời kỳ cách mạng thì địa vị ấy lại đổi khác nữa:

- Bọn thủ công nghiệp, vì bị hàng hoá của đế quốc chở tới rất nhiều cạnh tranh không nổi, cho nên có ác cảm với đế quốc. Đối với phong trào cách mạng vô sản, bọn này cũng có ác cảm, vì chúng nó muốn giữ lấy cách bóc lột những thợ học nghề với chúng nó. Vì sự mâu thuẫn ấy mà thái độ chúng nó đối với cách mạng rất do dự.
- Bọn tiểu thương gia có quan hệ với cách bóc lột như là buôn bán và cho vay nặng lời, bởi vậy chúng nó muốn giữ lấy chế độ ấy, vì thế mà chúng nó không tán thành cách mạng.
- Bọn trí thức, tiểu tư sản, học sinh, v.v. là bọn xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chúng nó đại biểu quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bản bần xú, chớ không phải chỉ bênh vực quyền lợi riêng cho bọn tiểu tư sản mà thôi. Trong thời kỳ chống đế quốc chủ nghĩa thì bọn ấy cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi; chúng nó

không thể bình vực quyền lợi cho dân cày được, vì chúng nó phần nhiều có dây dướng với bọn địa chủ. - Các phần tử lao khổ ở thành phố như là bọn bán rao ngoài đường, bọn thủ công nghiệp nhỏ không mướn thợ, bọn trí thức thất nghiệp, v.v. vì sanh hoạt cực khổ cho nên đều theo cách mạng cả.

#### *8. Sức mạnh của cách mạng*

a) Vô sản giai cấp ở Đông Dương phần nhiều do dân cày hoặc là thủ công thất nghiệp mà hoá ra, còn đương mới mẻ chưa thoát khỏi những tư tưởng hẹp hòi, những hủ tục phong kiến và ít biết chữ, cho nên sự giai cấp giác ngộ có bị trở ngại. Tuy vậy, giai cấp ấy rất là tập trung và mỗi ngày lại thêm đông; và cách bóc lột áp bức theo lối thuộc địa rất tàn nhẫn, thành thử vô sản giai cấp mau phá sự trở ngại ấy mà nổi lên tranh đấu càng ngày càng hăng hái để chống lại tư bản đế quốc. Vì vậy cho nên vô sản giai cấp thành một động lực chánh và rất mạnh của cách mạng ở Đông Dương, và lại là giai cấp lãnh đạo cho dân cày và quần chúng lao khổ làm cách mạng.

b) Dân cày là hạng người chiếm đại đa số ở Đông Dương (hơn 90 phần 100 (90%)), họ là một động lực mạnh cho cách mạng tư sản dân quyền. Nhưng dân cày ở Đông Dương không phải là nhứt luật như nhau cả. Trong lúc tranh đấu chống địa chủ và đế quốc chủ nghĩa thì vô sản có thể kéo hết thầy dân cày về phe cách mạng, nhưng lúc sự phân hoá giai cấp ở thôn quê càng rộng càng sâu, cuộc thổ địa cách mạng càng bành trướng thì bọn phú nông càng mau bước sang phe phản cách mạng.

Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp có đứng đầu và cùng với quần chúng dân cày mà tranh đấu để bình vực quyền lợi hàng ngày cho dân cày, và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, thì mới có thể giành quyền lãnh đạo cho dân cày được. Đồng minh của giai cấp vô sản là bọn trung và bản nông.

## 9. Đối với các giai cấp

a) Tư bản bốn xứ chia làm hai bộ phận: một bộ phận thì đã hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa (dựa vào các cơ quan chính trị và kinh tế), một bộ phận nữa (bọn Huỳnh Thúc Kháng, bọn Phạm Quỳnh, bọn Ngô Báo, v.v..) hiện còn tìm cách thoả hiệp với đế quốc; chúng nó lợi dụng phong trào cách mạng để yêu cầu đế quốc những quyền lợi riêng của chúng nó, đồng thời để lừa gạt quần chúng (ngoài mặt thì chúng nó làm bộ đòi những sự cải cách, nhưng kỳ thiệt chúng nó kiếm cách phá hoại phong trào cách mạng của công nông. Chiến lược của Đảng là phải chỉ rõ cái tánh chất quốc gia cải lương của bọn này ra. Mục đích của bọn này là cốt làm cho quần chúng sanh mộng tưởng mà quên con đường cách mạng. Nếu từ đây mà Đảng không tranh đấu kịch liệt để kéo quần chúng ra khỏi ảnh hưởng quốc gia cải lương, thì ảnh hưởng ấy sẽ thành một sự nguy hiểm cho sự phát triển của cách mạng.

Đảng phải làm cho quần chúng hiểu rõ ràng các bọn quốc gia cải lương chỉ muốn điều đình với đế quốc chủ nghĩa, đã nhiều lần phản cách mạng, hết sức chống những điều yêu cầu của quần chúng.

b) Đảng phải nhận rõ cái tánh chất và địa vị các đảng phái *tiểu tư sản* trong cuộc cách mạng (như bọn Quốc dân Đảng, Ng.An Ninh, v.v.). Bây giờ các đảng phái ấy tuy còn ở trong địa vị quốc gia cách mạng nhưng rồi đây cũng hoá ra quốc gia cải lương. Các đảng phái ấy đều dính dáng với giai cấp địa chủ và tư bản bốn xứ. Đối với đế quốc chủ nghĩa thì bọn trí thức tiểu tư sản lãnh tụ các đảng phái ấy và chủ trương quốc gia cách mạng. Nhưng mục đích của họ chỉ chủ trương sự phát triển tư bản cho xứ Đông Dương mà thôi. Khi phong trào cách mạng phản đế mới nổi lên thì họ chống đế quốc chủ nghĩa và binh vực quyền lợi cho giai cấp tư bản bốn xứ. Nhưng đến lúc cách mạng phát triển đã cao; lúc phải giải quyết các vấn đề căn bản như là vấn đề thổ địa cách mạng và vấn đề công nông chuyên chính, thì các đảng phái ấy sẽ bỏ cách mạng mà chạy về cải lương và hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa.



Bởi vậy cho nên về mặt chánh trị và tổ chức ngay từ lúc đầu, chúng ta phải phân tách giới hạn của Đảng Cộng sản và các đảng phái tiểu tư sản cho thiệt rõ, nhứt là phải đánh đổ những xu hướng tiểu tư sản (ám sát, không tín nhiệm quần chúng, v.v.) ở trong Đảng mình.

Muốn lợi dụng cho hết mọi cơ hội để mở rộng phong trào cách mạng, Đảng có thể tạm thời hợp tác với các đảng phái ấy, nhưng nếu các đảng phái ấy có thiệt ra tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa và không ngăn trở sự cổ động tuyên truyền cộng sản trong quần chúng công nông thì mới có thể tạm thời hợp tác được. Nếu không có những điều kiện ấy thì không nên hợp tác. Khi hợp tác, thì lúc nào Đảng cũng phải giữ cho phong trào công nông có tánh chất giai cấp, nghĩa là phải giữ lấy quyền tự do cổ động, tuyên truyền, tổ chức và đem quần chúng tranh đấu theo khẩu hiệu phản đế và thổ địa cách mạng của Đảng. Đồng thời lại phải chỉ trích những sự hành động không triệt để và không quả quyết của các đảng phái ấy, và chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của họ. Phải dè trước những sự do dự của họ để dự bị cách đối phó. Phải hết sức đánh đổ ảnh hưởng của bọn ấy trong quần chúng và phải kéo quần chúng thoát khỏi ảnh hưởng ấy, để giành lấy quyền lãnh đạo cho vô sản.

10. Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản. Muốn làm cho trọn nhiệm vụ của Đảng trong cuộc cách mạng, trước hết Đảng cần phải: tổ chức ra những đoàn thể độc lập (công hội, nông hội, v.v.).

a) Đảng phải thâm phục đại đa số của giai cấp mình, cho nên trách nhiệm trung tâm của Đảng là tổ chức và khoách trương Công hội đỏ trong những sản nghiệp trọng yếu và trong các thành phố lớn. Công hội phải thống nhất và tập trung theo sản nghiệp và theo địa phương. Phải tổ chức công xưởng uỷ viên hội, và chú ý tổ chức công nhân các đồn điền và mỏ, Đảng không những chỉ công tác trong các công hội đó mà thôi, mà lại cần phải chú ý công tác trong đoàn thể thợ thuyền còn chịu ảnh hưởng bọn phản động hoặc cải lương, để thâm phục quần chúng. Đảng phải hết sức liên lạc những sự hoạt động công khai và bí mật để khoách trương cuộc công nhân vận động.

b) Muốn lập công nông chuyên chánh thì vô sản giai cấp phải lãnh đạo cho đại đa số quần chúng lao khổ, nhất là dân cày. Vậy nên Đảng phải chú ý về việc tập trung ruộng đất phát triển ra thế nào, và sự mâu thuẫn giai cấp ở thôn quê. Ngay từ lúc đầu, Đảng phải lãnh đạo dân cày chống đế quốc và địa chủ. Bần và trung nông là phần tử hăng hái làm cách mạng thổ địa, cho nên phải hết sức tổ chức họ khắp trong xứ. Điều cần nhất của Đảng là phải tổ chức công hội công nhân nông nghiệp cho kiên cố và làm cho họ thành người lãnh đạo quần chúng nông dân trong cuộc cách mạng. Còn bọn phú nông thì ngay từ lúc bấy giờ phải chú ý đừng cho bọn ấy xen vào nông hội, và ảnh hưởng đến trung và bần nông.

### 11. *Cách tranh đấu*

Trong lúc định chiến lược, Đảng phải xét kỹ tình hình trong nước và ngoài thế giới, sức mạnh của địch nhân, sức tranh đấu của quần chúng, thái độ các hạng người đối với cách mạng, v.v.. Đảng căn cứ ở những điều kiện ấy mà định ra chiến lược để lãnh đạo cho quần chúng tranh đấu. Lúc thường thì phải tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu "phần ít" để binh vực lợi quyền cho quần chúng như: tăng tiền lương, bớt giờ làm, giảm thuế, chống thuế, chống sự sanh hoạt mắc mớ, v.v. để khoách trương sự tranh đấu cách mạng ra. Phải đem khẩu hiệu "phần ít" ấy phụ

thuộc vào khẩu hiệu chánh của Đảng như: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, địa chủ và phong kiến, xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, lập chánh phủ công nông, v.v..

Không chú ý đến những sự nhu yếu của sự tranh đấu hằng ngày của quần chúng là rất sai lầm. Mà nếu chỉ chú ý đến những sự nhu yếu hằng ngày mà không chú ý đến những mục đích lớn của Đảng cũng là rất sai lầm. Nhiệm vụ của Đảng là phải lấy những sự nhu yếu hằng ngày làm bước đầu mà dất vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ về phe cách mạng, quần chúng công nông thì sôi nổi cách mạng, quyết hy sinh phấn đấu, thì Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông.

Lúc đó Đảng phải ra khẩu hiệu "giao tiếp" và nâng cao những khẩu hiệu ấy lên như: lập Xôviết, lập hội đồng tịch ký ruộng đất, sản nghiệp do công nhân kiểm soát, võ trang cho công nông, v.v.. Đồng thời Đảng phải tổ chức và khuếch trương hết cả các cách tranh đấu của quần chúng như bãi công, bãi công vừa thị oai, bãi công vừa võ trang thị oai, tổng bãi công bạo động. Võ trang bạo động không phải là một việc thường, chẳng những là theo hình thức trực tiếp cách mạng, mà lại phải theo khuôn phép nhà binh, cho nên cần phải chú ý. Trong khi không có tình thế trực tiếp cách mạng cũng cứ kịch liệt tranh đấu; nhưng kịch liệt tranh đấu ấy không phải là để tổ chức những cuộc manh động, hoặc là võ trang bạo động quá sớm, mà cốt là để suy động đại quần chúng ra thị oai, biểu tình bãi công, v.v. để dự bị họ về cuộc võ trang bạo động sau này.

## 12. *Phản đối đế quốc chiến tranh*

Thời kỳ này là thời kỳ khủng hoảng khắp cả các nước đế quốc, phong trào công nhân ở các nước và ở Đông Dương nổi lên rất mạnh. Cái nguy cơ chiến tranh của các đế quốc càng ngày càng gần. Bởi vậy Đảng phải hết sức khoách trương công

tác "phản đối binh bị", và một mặt tổ chức trong quân đội, một mặt tổ chức đội tự vệ của công nông, phải làm cho các khẩu hiệu chống đế quốc chủ nghĩa chiến tranh lan khắp và sâu vào trong quần chúng, như: đòi chiến tranh đế quốc ra chiến tranh cách mạng, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và giai cấp bóc lột. Binh vực Liên bang Xôviết và phong trào cách mạng trong thế giới, v.v..

### *13. Liên lạc với vô sản và dân thuộc địa thế giới*

Vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, như là vô sản Pháp để làm mặt trận vô sản "mẫu quốc" và thuộc địa cho sức tranh đấu cách mạng được mạnh lên.

Trong cuộc tranh đấu chống đế quốc, quần chúng cách mạng ở Đông Dương lại phải liên lạc với quần chúng cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa, như là ở Tàu và Ấn Độ, v.v..

Trong công tác, Đảng phải liên lạc mật thiết với Đảng Cộng sản Pháp, Tàu và Ấn Độ.

In trong Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đảng toàn tập,

Nxb.Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 1998, t.2, tr.88-103.

**CHÍNH CƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

## *Chương I*

### THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Sau chiến tranh thứ hai, chế độ phát-xít sụp đổ, cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thêm trầm trọng, Liên-xô ngày càng cường thịnh, phong trào dân chủ lên cao. Thế giới chia làm hai phe: phe dân chủ chống đế quốc do Liên-xô lãnh đạo, phe đế quốc phản dân chủ do Mỹ cầm đầu.

Phe dân chủ ngày một mạnh, phe đế quốc ngày một suy. Cán cân lực lượng giữa hai phe đã nghiêng hẳn về phe dân chủ. Muốn thoát khỏi nạn khủng hoảng, đế quốc Mỹ và các đế quốc khác đang ra sức chuẩn bị chiến tranh thứ ba và mở rộng các cuộc chiến tranh xâm lược. Nguy cơ chiến tranh đã rõ rệt. Nhiệm vụ trung tâm của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới lúc này là đấu tranh bảo vệ hòa bình. Dưới sự lãnh đạo của Liên-xô đứng đầu là Thống chế Xít-ta-lin, phe dân chủ mở rộng thành mặt trận hòa bình thế giới, kiên quyết chống bọn gây chiến. Phong trào hòa bình sâu rộng, mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử. Đế quốc gây ra chiến tranh thứ ba tức là tự sát.

2. Trong chiến tranh và sau chiến tranh thứ hai nhờ chủ nghĩa xã hội thắng chủ nghĩa phát-xít, cách mạng dân chủ nhân dân lan rộng và đã thành công ở nhiều nước Trung Đông Âu và Viễn Đông. Chế độ dân chủ nhân dân thành lập, tách những nước đó ra khỏi hệ thống đế quốc chủ nghĩa.

Cách mạng dân chủ nhân dân ngày càng có tính chất phổ biến. Nó là con đường chung cho các nước tiền tiến cũng như các nước thuộc địa, và nửa thuộc địa, cho những nước gần Liên-xô cũng như những nước xa Liên-xô.

3. Một đặc điểm của thế giới sau chiến tranh thứ hai là phong trào giải phóng thuộc

địa và nửa thuộc địa sôi nổi làm lay chuyển hệ thống đế quốc chủ nghĩa đến tận nền tảng.

Phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa đã trở thành một bộ phận khăng khít của phong trào chống bọn đế quốc gây chiến, bảo vệ hòa bình và giành dân chủ trên thế giới. Hiện nay bọn đế quốc Anh, Pháp, Hà v.v.. đang dùng thủ đoạn xảo quyệt thừa nhận độc lập giả hiệu, mua chuộc giai cấp tư sản và địa chủ bản quốc để duy trì quyền thống trị của chúng ở các thuộc địa. Đế quốc Mỹ cũng ra sức biến những thuộc địa đó thành thị trường và căn cứ quân sự của mình. Nhưng các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa đã nhận rõ con đường cứu sống duy nhất của mình là: đoàn kết dân tộc, mật thiết liên lạc với nhân dân thế giới, đặc biệt với nhân dân lao động chính quốc, kiên quyết tiến hành đấu tranh vũ trang lâu dài dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Họ nhất định sẽ thắng lợi.

4. Việt Nam là một tiền đồn của phe dân chủ ở Đông Nam Á.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào giải phóng dân tộc, bảo vệ hòa bình và dân chủ trên thế giới. Trong khi giành tự do, độc lập cho mình, dân tộc Việt Nam bảo vệ hoà bình thế giới và làm cho chế độ dân chủ phát triển ở Đông Nam Á. Nhờ những thắng lợi của phe dân chủ trên thế giới đặc biệt là sự thành công vĩ đại của nhân dân Trung Quốc và do sự cố gắng của toàn thể dân tộc, cách mạng Việt Nam nhất định sẽ thành công.

## *Chương II*

# **XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

## **I. Xã hội Việt Nam**

1. Trước khi thuộc Pháp, xã hội Việt Nam căn bản là một xã hội phong kiến. Nền tảng của xã hội đó là kinh tế nông nghiệp phần lớn có tính chất kinh tế tự nhiên. Ruộng đất là của vua quan và địa chủ phong kiến.

Nông dân bị bóc lột áp bức nặng nề, sống rất cực khổ. Họ càng thống khổ hơn khi có bọn phong kiến nước ngoài đến thống trị. Họ cần được giải phóng. Họ cần có ruộng đất. Vì vậy nông dân đã nhiều lần khởi nghĩa. Những lần họ đấu tranh rộng rãi và quyết liệt đều đưa đến một cuộc thay đổi triều đại trong nước hoặc một cuộc giải phóng dân tộc vẻ vang. Nhưng vì điều kiện kinh tế và xã hội chưa đầy đủ, thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo, cho nên trải qua bao nhiêu thế kỷ, cuộc đấu tranh của nông dân không thay đổi được tính chất phong kiến của xã hội Việt Nam.

2. Từ khi bị đế quốc Pháp chinh phục, Việt Nam biến thành một thị trường độc chiếm, một nguồn cung cấp nguyên liệu, một nơi cho vay lãi và một căn cứ đóng quân của thực dân Pháp. Tính chất tự cấp tự túc của kinh tế phong kiến Việt Nam bị lay chuyển.

Sau chiến tranh thứ nhất do chính sách "đặc biệt khai thác thuộc địa" của đế quốc Pháp, kỹ nghệ khai mỏ và kỹ nghệ nhẹ của Pháp được mở mang thêm ở Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam thành hình và trưởng thành mau chóng. Tư bản Việt Nam ra đời nhưng bị tư bản độc quyền Pháp đè nén nên không phát triển được mấy.

Chính sách thuộc địa của đế quốc Pháp ở Việt Nam là một chính sách hẹp hòi, bảo thủ. Chính sách ấy làm cho Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc vào nước Pháp. Nó kìm hãm sức phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam. Nó kết hợp những hình thức áp bức bóc lột tư bản với những hình thức áp bức bóc lột phong kiến và nửa

phong kiến, làm cho nhân dân Việt Nam nhất là công nhân và nông dân vô cùng thống khổ.

Trong chiến tranh thứ hai phát-xít Nhật xâm chiếm Việt Nam, chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cũng phát-xít hóa. Nhân dân Việt Nam càng thống khổ hơn. Nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Các khu căn cứ du kích phát triển và chính quyền nhân dân thành lập ở khu giải phóng Việt Bắc.

Song nói chung, dưới thời thuộc Pháp, xã hội Việt Nam là một xã hội thuộc địa và nửa phong kiến.

3. Năm 1945, bị quân đội Xô-viết đánh bại, phát-xít Nhật đầu hàng. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Đông dương, nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa thắng lợi. Nước cộng hòa dân chủ Việt Nam thành lập. Những cải cách dân chủ được thực hiện. Xã hội Việt Nam bước vào con đường dân chủ nhân dân.

Nhưng đế quốc Pháp trở lại xâm lược. Cuộc kháng chiến trường kỳ và toàn diện của dân tộc Việt Nam bắt đầu. Hiện nay được bạn can thiệp Mỹ viện trợ và bù nhìn phản quốc giúp sức, đế quốc Pháp đã đặt lại chế độ thuộc địa, phát-xít trên một phần đất nước ta.

Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết trong quá trình cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bạn can thiệp.

## **II. Cách mạng Việt Nam**

1. Hiện nay cách mạng Việt Nam phải giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam và những thế lực phản động, khiến cho chế độ ấy phát triển



manh mẽ và thuận chiều tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thế lực phản động chính đang ngăn cản sự phát triển của xã hội Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

Những di tích phong kiến cũng làm cho xã hội Việt Nam đình trệ. Do đó cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

2. Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc. Cho nên lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược.

3. Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phân tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.

4. Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lỗi cũ, cũng không phải là cách mạng

xã hội chủ nghĩa mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản lỗi mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, không phải trải qua một cuộc nội chiến cách mạng. Đó là một thứ cách mạng điển hình trong điều kiện lịch sử hiện nay.

5. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội. Do giai cấp công nhân lãnh đạo, liên minh chặt chẽ với nông dân và lao động trí óc, lại được sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân, nhất là Trung Quốc, cách mạng Việt Nam không thể đi con đường nào khác ngoài con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ xen kẽ với nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có một nhiệm vụ trung tâm, phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm đó để tập trung lực lượng vào đó mà thực hiện.

Trong giai đoạn thứ nhất, giai đoạn hiện tại, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào đế quốc xâm lược. Đảng phải tập hợp mọi lực lượng dân tộc, lập Mặt trận dân tộc thống nhất, kháng chiến chống bọn đế quốc xâm lược và các hạng Việt gian. Đồng thời phải cải thiện đời sống cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân lao động, để cho nhân dân hăng hái kháng chiến.

Song giai đoạn thứ hai, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào lực lượng phong kiến. Lúc đó Đảng phải tập trung lực lượng xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, triệt để thực hiện người cày có ruộng, đẩy mạnh việc kỹ nghệ hóa: hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân. Song, vẫn tiếp tục chống đế quốc thế giới bảo vệ độc lập của dân tộc.

Đến giai đoạn thứ ba, trọng tâm của cách mạng là phát triển cơ sở xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước cụ thể của giai đoạn này phải tùy theo điều kiện cụ thể của tình hình trong nước và ngoài nước khi đó mà quyết định.

### *Chương III*

## **CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

Đảng Lao động nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, làm cho nước Việt Nam độc lập và thống nhất, dân chủ tự do, phú cường và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong kháng chiến và ngay sau kháng chiến Đảng Lao động Việt Nam chủ trương thi hành những chính sách sau đây đặng đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia.

### **1. Kháng chiến**

1. Nhân dân Việt Nam kiên quyết kháng chiến đến cùng chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ để giành độc lập và thống nhất thật sự cho Tổ quốc.

2. Cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân. Đặc điểm của nó là: toàn dân, toàn diện trường kỳ. Nó phải trải qua ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công.

3. Nhiệm vụ trọng tâm của cuộc kháng chiến từ nay đến thắng lợi là: hoàn thành việc chuẩn bị tổng phản công và tổng phản công thắng lợi. Muốn vậy phải tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực vào việc kháng chiến theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả chiến thắng"<sup>3</sup>. Đồng thời phải luôn luôn bồi dưỡng lực lượng kháng chiến về mọi mặt.

4. Phải nắm vững phương châm chiến lược của chiến tranh nhân dân là :

- Các mặt công tác chính trị, kinh tế, văn hóa đều nhằm mục đích làm cho quân sự thắng lợi. Đồng thời, đấu tranh quân sự phải phối hợp với đấu tranh chính trị, kinh tế v.v...

- Phối hợp việc tác chiến trước mặt địch với việc đánh du kích quấy rối phá hoại sau lưng địch.

## **2. Chính quyền nhân dân**

1. Chính quyền của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính đối với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính.

2. Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

3. Nguyên tắc, tổ chức của chính quyền đó là dân chủ tập trung. Cơ quan chính quyền ở địa phương là Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (hiện nay là Ủy ban kháng chiến hành chính). Cơ quan chính quyền tối cao toàn quốc là Quốc hội và Hội đồng Chính phủ.

### **3. Mặt trận dân tộc thống nhất**

1. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam đoàn kết tất cả mọi đảng phái, mọi đoàn thể và mọi thân sĩ yêu nước, không phân biệt giai cấp, chủng tộc tôn giáo, nam nữ để cùng nhau kháng chiến kiến quốc. Nó ủng hộ chính quyền bằng cách động viên và giáo dục nhân dân thi hành mệnh lệnh chính quyền cũng như bằng cách đề đạt ý kiến, nguyện vọng của nhân dân lên chính quyền.

2. Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nông và lao động trí thức làm nòng cốt và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

3. Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết với các đảng phái, các đoàn thể các thân sĩ trong Mặt trận dân tộc thống nhất theo nguyên tắc:

Đoàn kết thành thực: các bộ phận của Mặt trận giúp đỡ lẫn nhau và phê bình lẫn nhau một cách thân ái để cùng nhau tiến.

- Thống nhất hành động: các bộ phận của Mặt trận thương lượng thỏa thuận với nhau để thống nhất mọi hành động theo một chương trình chung. Song mỗi đoàn thể của Mặt trận vẫn độc lập về tổ chức và có chương trình hoạt động tối đa của mình.

- Hợp tác lâu dài: các bộ phận trong Mặt trận đoàn kết nhau trong trường kỳ kháng chiến và trong công cuộc kiến quốc sau khi kháng chiến thắng lợi.

### **4. Quân đội**

1. Quân đội Việt Nam là quân đội nhân dân, do nhân dân tổ chức và vì nhân dân mà chiến đấu. Nó có tính chất: dân tộc, dân chủ và hiện đại.

2. Trong kháng chiến, nguồn bổ sung chủ yếu của nó là bộ đội địa phương và dân quân du kích và nguồn trang bị chủ yếu của nó là tiền tuyến.

Kỷ luật của nó rất nghiêm, nhưng là kỷ luật tự giác và dân chủ. Vừa tác chiến, nó vừa tiến hành công tác chính trị rộng rãi làm cho trên dưới một lòng, quân dân nhất trí và tinh thần lính địch tan rã.

## **5. Kinh tế tài chính**

1. Nhưng nguyên tắc lớn của chính sách kinh tế hiện nay là đảm bảo quyền lợi của công và tư, của tư bản và lao động tăng gia sản xuất mọi mặt để cung cấp cho nhu cầu kháng chiến và cải thiện dân sinh, đặc biệt là cải thiện đời sống của nhân dân lao động.

2. Trong các ngành sản xuất, hiện nay phải chú trọng nhất việc phát triển nông nghiệp. Về công nghiệp chú trọng phát triển tiểu công nghệ và thủ công nghiệp đồng thời xây dựng kỹ nghệ phát triển thương nghiệp. Phát triển nền tài chính theo nguyên tắc. Tài chính dựa vào sản xuất và đẩy mạnh sản xuất. Chính sách tài chính là:

- Tăng thu bằng cách tăng gia sản xuất, giảm chi bằng cách tiết kiệm.

-Thực hiện chế độ đóng góp dân chủ,

Chú trọng gây cơ sở kinh tế Nhà nước và phát triển kinh tế hợp tác xã. Đồng thời giúp đỡ tư nhân trong việc sản xuất. Đặc biệt đối với tư sản dân tộc, khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn họ kinh doanh.

3. Trong kháng chiến đi đôi với việc mở mang kinh tế quốc dân, phải tùy nơi, tùy lúc mà phá hoại và bao vây kinh tế địch một cách có kế hoạch, có hại cho địch mà không hại cho ta. Giải phóng đến đâu thì tịch thu tài sản của địch đến đó, thủ tiêu kinh tế thực dân của chúng.

## **6. Cải cách ruộng đất**

1. Trong kháng chiến chính sách ruộng đất chủ yếu là giảm tô, giảm tức. Ngoài ra thi hành những cải cách khác như: quy định chế độ lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, chia lại công điền, sử dụng hợp lý ruộng vắng chủ và ruộng bỏ hoang v.v...

2. Mục đích của những cải cách đó là cải thiện đời sống nông dân, đồng thời xúc tiến tăng gia sản xuất, bảo đảm cung cấp và đoàn kết toàn dân để kháng chiến.

## **7. Văn hoá giáo dục**

1. Để đào tạo con người mới và cán bộ mới và để đẩy mạnh kháng chiến kiến quốc, phải bài trừ những di tích văn hóa giáo dục thực dân và phong kiến, phát triển nền văn hóa giáo dục có tính chất: về hình thức thì dân tộc, về nội dung thì khoa học, về đối tượng thì đại chúng.

2. Chính sách văn hoá giáo dục hiện nay là:

- Thủ tiêu nạn mù chữ, cải cách chế độ giáo dục, mở mang các trường chuyên nghiệp.
- Phát triển khoa học, kỹ thuật và văn nghệ nhân dân.
- Phát triển tinh hoa của văn hoá dân tộc đồng thời học tập văn hóa Liên-xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác.
- Phát triển văn hóa dân tộc thiểu số.

## **8. Đối với tôn giáo**

Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng. Đồng thời nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo mà phản quốc.

## **9. Chính sách dân tộc**

1. Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc; chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bài trừ mọi hành động gây hấn thù, chia rẽ giữa các dân tộc.

2. Thừa nhận quyền tự trị địa phương đối với những dân tộc thiểu số tương đối đông sống tập trung vào một vùng. Song phải chuẩn bị cán bộ địa phương thiểu số và tư tưởng để khi có điều kiện thì thực hiện quyền đó.

3. Đối với những dân tộc thiểu số ở rải rác, giúp đỡ và đảm bảo việc họ tham gia chính quyền và dùng tiếng mẹ đẻ trong việc giáo dục.

4. Không xúc phạm đến tín ngưỡng, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số làm cho các dân tộc ấy tự giác cải cách tùy theo điều kiện của họ.

5. Giúp đỡ các dân tộc thiểu số tiến bộ về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá.

## **10. Đối với vùng tạm bị chiếm**

1. Vùng tạm bị chiếm là hậu phương của địch. Công tác vùng đó là một phần trọng yếu của toàn bộ công tác kháng chiến.

2. Chính sách đối với vùng tạm bị chiếm là: đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích, củng cố chính quyền cách mạng, phá hoại quyền nguy quân, phối hợp đấu tranh với vùng tự do.



3. Đối với các hạng người trong hàng ngũ của địch thì trừng trị bọn cầm đầu nếu chúng không hối cải, khoan hồng đối với những kẻ làm lỡ đã biết ăn năn.

4. Khu mới giải phóng đoàn kết an dân.

## **11. Ngoại giao**

1. Nhưng nguyên tắc của chính sách ngoại giao là nước ta và các nước tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất quốc gia của nhau và cùng nhau bảo vệ hòa bình dân chủ thế giới, chống bọn gây chiến.

2. Đoàn kết chặt chẽ với Liên-xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác và tích cực ủng hộ phong trào giải phóng thuộc địa và nửa thuộc địa. Mở rộng ngoại giao nhân dân; giao thiệp thân thiện với chính phủ nước nào tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, đặt quan hệ ngoại giao với các nước đó theo nguyên tắc tự do, bình đẳng và có lợi cho cả hai bên.

## **2. Đối với Miên Lào**

1. Dân tộc Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Miên, Lào và hết sức giúp đỡ hai dân tộc ấy cùng nhau kháng chiến chống đế quốc xâm lược, giải phóng cho tất cả các dân tộc Đông Dương.

2. Nhân dân Việt Nam đứng trên lập trường lợi ích chung mà hợp tác lâu dài với hai dân tộc Miên Lào trong kháng chiến và sau kháng chiến.

## **13. Đối với ngoại kiều**

1. Tất cả mọi ngoại kiều tôn trọng pháp luật nước Việt Nam đều được quyền cư trú, được bảo đảm sinh mệnh, tài sản và được làm ăn tự do trên đất nước Việt Nam.

2. Các kiều dân thuộc quốc tịch các nước dân chủ nhân dân được hưởng quyền lợi và làm nghĩa vụ như công dân Việt Nam, nếu họ muốn và Chính phủ nước họ thỏa thuận với Chính phủ nước ta.

Đặc biệt đối với Hoa kiều:

- Hoa kiều vùng tự do được hưởng tất cả quyền lợi của công dân Việt Nam, đồng thời ta vận động họ tình nguyện làm nghĩa vụ của công dân Việt Nam.

- Đối với Hoa kiều vùng tạm bị chiếm, vận động họ ủng hộ, tham gia kháng chiến chống đế quốc xâm lược Pháp, Mỹ.

3. Các người ngoại quốc vì đấu tranh cho độc lập, dân chủ hòa bình, bị các chính phủ phản động truy nã mà lánh nạn vào nước ta thì được ta nhiệt liệt bảo vệ và giúp đỡ.

#### **14. Đấu tranh cho hoà bình và dân chủ thế giới**

1. Đấu tranh cho hòa bình thế giới là nhiệm vụ quốc tế của nhân dân Việt Nam. Kháng chiến chống đế quốc xâm lược là một phương pháp triệt để nhất của dân ta để làm nhiệm vụ ấy.

2. Phối hợp cuộc kháng chiến của ta với các cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới, nhất là của nhân dân Liên-xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác của các dân tộc bị áp bức, của nhân dân Pháp.

#### **15. Thi đua ái quốc**

1. Thi đua ái quốc là một điệu làm việc mới. Phong trào thi đua là một phong trào quần chúng. Thi đua là thực hiện kế hoạch đã định.

2. Lúc này kế hoạch thi đua nhằm giết giặc ngoại xâm, tăng gia sản xuất và diệt giặc đói. Bộ đội, nông dân, công xưởng và lớp học là những nơi thi đua chính.

Trên đây là chính sách của Đảng Lao động Việt Nam.

Tất cả mọi đảng viên phải hiểu rõ chính sách đó.

Đồng thời làm cho quần chúng nhân dân và các đoàn thể trong Mặt trận dân tộc thống nhất nhận định chính sách đó là chính sách chung.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, toàn Đảng và toàn dân hãy hăng hái phấn đấu tiêu diệt đế quốc xâm lược, đặng thực hiện chính sách đó trong phạm vi toàn quốc mang lại độc lập tự do, hạnh phúc cho dân tộc.

In trong Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Đảng toàn tập,

Nxb.Chính trị quốc gia,

Hà Nội, 2001, t.12, tr.429-443.

## CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

**1.** Thực hiện Cương lĩnh năm 1930, trong suốt 45 năm, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và giành được những thắng lợi vĩ đại: làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của

thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt những thành tựu to lớn: thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà; khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng đã tự phê bình và đề ra đường lối đổi mới. Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng. Tuy nhiên khó khăn còn nhiều, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

**2. Từ thực tiễn cách mạng với những thành công và khuyết điểm, sai lầm, có thể rút ra những bài học lớn:**

*Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc vẫn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau. Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

*Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.* Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

*Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết:* đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lớn của cách mạng nước ta như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết:

*"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,*

*Thành công, thành công, đại thành công!"*

*Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại,* sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hoá mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

*Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.* Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ

quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối chủ trương của Đảng phải *xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan*. Phải phòng và chống được những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

## II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

**3.** Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc*.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nhưng, do duy trì quá lâu những khuyết tật của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo; chế độ xã hội đã thay đổi. Các thế lực đế quốc lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó đẩy mạnh cuộc phản kích quyết

liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt.

Trước mắt, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế, nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và chính sách xã hội. Tuy vậy, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. Chính sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản.

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo. Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách.

Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.*

4. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi: chính quyền thuộc về nhân dân, nước nhà đi vào giai đoạn hoà bình xây dựng. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo. Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong tình hình đất nước và thế giới như trên, chúng ta phải tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.



- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

*Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cần nắm vững *những phương hướng cơ bản* sau đây:

*Một là*, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

*Hai là*, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

*Ba là*, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

*Bốn là*, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

*Năm là*, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

*Sáu là*, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

*Bảy là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

**Mục tiêu tổng quát** phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. *Mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

### III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

**5. Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.** Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế lạc hậu lên cơ cấu kinh tế hiện đại, nền kinh tế quốc dân sẽ bao gồm nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại, phát triển kinh tế dịch vụ, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng. Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Thực hiện chuyên môn hoá và liên kết kinh tế giữa các vùng, các

địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hoá.

Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn; sức lao động...; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới. Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

*Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hoá, nâng cao dân trí.

*Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới. Nhà nước có chính sách toàn diện thực hiện giáo dục phổ cập phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

**6. Chính sách xã hội** đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*Phương hướng lớn của chính sách xã hội* là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao *đời sống vật chất* của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho mọi người lao động có việc làm, chăm lo cải thiện điều kiện lao động. Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của người mẹ và của thanh thiếu niên. Chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phải thật sự coi việc giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách. Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội. Có chính sách thích đáng đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, những người về hưu. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Phát triển các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, các công trình văn hoá, thể dục, thể thao... Khuyến khích và tạo điều kiện để tập thể và nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở. Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam. Khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan

điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ và lao động giỏi; sống có văn hoá và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. *Gia đình* là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. *Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu* phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hoá mới.

Chính sách xã hội tác động trực tiếp đến việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt để xứng đáng là một lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư

khác vì sự nghiệp "ích nước lợi nhà". Động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

Thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các *dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

*Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

**7. Nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh** là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ.

Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị đông viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an nhân dân.

**8. Mục tiêu của chính sách đối ngoại** là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp



đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hoà bình thế giới và tiến bộ xã hội. Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế và Phong trào Không liên kết vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc và phát triển.

Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hoà bình và hợp tác.

Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển.

Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển.

#### IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

**9.** Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức

dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

**10.** Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, *Nhà nước* ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước.

Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền* lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự *phân công rành mạch* ba quyền đó.

**11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân** có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên

vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

*Các đoàn thể nhân dân* tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

**12. Đảng Cộng sản Việt Nam** là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, *phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, ra sức nâng cao *trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo*. Giữ vững *truyền thống đoàn kết thống nhất* trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao. Đảng quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

\*

\* \*

Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Đảng kêu gọi tất cả những người cộng sản, toàn thể đồng bào ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh.

In trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*,

Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

### **Chú thích:**

1. Có thể là: ít ra cũng (B.T).
2. V.S: vô sản (B.T).

3. Trong *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988, t.II, tr.42, ghi là: “Tất cả cho tiền tuyến” (B.T).

## MỤC LỤC

*Lời giới thiệu*

**Phần I: Cương lĩnh của Đảng, ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác**

- Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng (1-1930)
- Dự án Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10-1930)
- Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2-1951)
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6-1991)

**Phần II: Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Chánh cương vắn tắt của Đảng
- Sách lược vắn tắt của Đảng
- Chương trình tóm tắt của Đảng
- Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (Dự án đề thảo luận trong Đảng)
- Chính cương Đảng Lao động Việt Nam
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội